

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC**

**CHU THỊ THU HẰNG**

**PHONG TỤC QUA SÁNG TÁC  
CỦA TÔ HOÀI TRƯỚC 1945**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ  
NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

**THÁI NGUYÊN - 2016**

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC**

**CHU THỊ THU HẰNG**

**PHONG TỤC QUA SÁNG TÁC  
CỦA TÔ HOÀI TRƯỚC 1945**

**Chuyên ngành: Văn học Việt Nam**

**Mã số: 60.22.01.21**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ  
NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:**

**TS. TRẦN THỊ HẢI YẾN**

**THÁI NGUYÊN - 2016**

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan: Luận văn thạc sĩ với đề tài: ***“Phong tục qua sáng tác của Tô Hoài trước 1945”*** là công trình nghiên cứu của cá nhân tôi, không sao chép của bất cứ ai.

Tôi xin chịu mọi trách nhiệm về công trình nghiên cứu của riêng cá nhân mình!

*Thái Nguyên, tháng 7 năm 2016*

**Người cam đoan**

***Chu Thị Thu Hằng***

## LỜI CẢM ƠN

Tôi xin trân trọng cảm ơn quý thầy cô tham gia giảng dạy lớp Cao học Văn học Việt Nam khoá 8 tại trường Đại học Khoa học đã giúp đỡ, động viên, tạo mọi điều kiện cho tôi trong suốt quá trình học tập và thực hiện đề tài nghiên cứu của mình.

Xin được tỏ bày lòng biết ơn sâu sắc đến cô giáo: **TS. Trần Thị Hải Yến** đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ tôi hoàn thành luận văn này.

Kính mến gửi lời cảm ơn đến gia đình, bạn bè, đồng nghiệp đã động viên, khích lệ, hỗ trợ tôi trong suốt thời gian học tập và nghiên cứu để hoàn thành luận văn.

*Thái Nguyên, tháng 7 năm 2016*

**Tác giả**

***Chu Thị Thu Hằng***

## MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN .....	i
LỜI CẢM ƠN .....	ii
MỤC LỤC .....	iii
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài .....	1
2. Tổng quan vấn đề nghiên cứu .....	2
3. Đối tượng và mục tiêu nghiên cứu .....	8
4. Nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu .....	8
5. Phạm vi nghiên cứu .....	9
6. Đóng góp của luận văn .....	9
7. Cấu trúc luận văn .....	10
<b>NỘI DUNG</b> .....	11
<b>Chương 1. CHỦ ĐỀ PHONG TỤC TRONG SÁNG TÁC TRƯỚC</b>	
<b>1945 CỦA TÔ HOÀI</b> .....	11
1.1. Giai đoạn trước 1945 trong sự nghiệp văn chương của Tô Hoài .....	11
1.1.1. Vài nét về Tô Hoài (1920-2014) .....	11
1.1.2. Sự nghiệp của Tô Hoài nhìn qua dấu mốc thời gian .....	11
1.1.3. Văn chương của Tô Hoài trước 1945 .....	14
1.2. Khảo sát sơ bộ tác phẩm có chủ đề phong tục trong sáng tác của Tô Hoài ..	17
1.2.1. Về khái niệm “Phong tục” .....	17
1.2.2. Lược điểm các tác phẩm của Tô Hoài viết trước 1945 về chủ đề phong tục .....	19
Tiểu kết .....	29
<b>Chương 2. NHỮNG MẢNG MÀU HIỆN THỰC TRONG BỨC</b>	
<b>TRANH PHONG TỤC MANG TÊN TÔ HOÀI TRƯỚC 1945</b> .....	30

2.1. Những phong tục được phục dựng trong sáng tác của Tô Hoài .....	30
2.2. Nghệ thuật phục dựng phong tục của Tô Hoài .....	40
2.2.1. Phong tục lòng trong cốt truyện.....	41
2.2.2. Xây dựng nhân vật .....	42
2.2.3. Các lớp ngôn từ.....	43
2.2.4. Đa dạng trong miêu tả.....	49
Tiểu kết.....	60
<b>Chương 3. BỨC TRANH PHONG TỤC THỜI THỰC DÂN - MỘT</b>	
<b>BIỂU TẢ ĐA TRI</b> .....	61
3.1. Trào lưu “ôn cố” trong văn học hiện đại Việt Nam đầu thế kỷ XX.....	61
3.2. Giá trị đa dạng của sáng tác về phong tục của Tô Hoài.....	68
3.2.1. Một bảo tàng nhân học, lịch sử.....	69
3.2.2. Một tiếng nói phản tỉnh, phản kháng .....	71
3.2.3. Tính triết luận xã hội.....	74
Tiểu kết.....	78
<b>KẾT LUẬN</b> .....	80
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	82

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

#### 1.1. Lý do của đề tài

##### 1.1.1. Lý do khoa học

1.1.1.1. Trong văn xuôi Việt Nam hiện đại, Tô Hoài được đánh giá là một cây đại thụ. Văn nghiệp đồ sộ của Tô Hoài với sự phong phú về đề tài (thiếu nhi, miền núi, vùng ven ngoại ô...), về thể loại (tiểu thuyết, truyện ngắn, hồi ký, tiểu luận...) đã khẳng định bút lực dồi dào và sự đóng góp to lớn của ông đối với nền văn học nước nhà. Có lẽ, ấn tượng chung nhất trong hệ thống tác phẩm của Tô Hoài, dù ở mảng đề tài nào, thể loại nào, được sáng tác ở giai đoạn nào cũng đều đậm đà phong tục của nhiều mảnh đất, xứ sở. Viết về người dân ngoại thành Hà Nội, về đồng bào miền núi cao Tây Bắc hay về loài vật... Tô Hoài luôn khéo léo đưa vào trang viết của mình những phong tục tập quán của con người Việt Nam. Dường như đó là cách nhà văn đem đến cho người đọc một cách tự nhiên, thấm thía về những tri thức cuộc sống muôn màu, những hiểu biết thú vị về vùng trời xa lạ hay về một thời kì lịch sử chỉ còn vang bóng một thời. Đó cũng là cách nhắc nhớ lệ tục truyền thống từ trang phục, nét ăn, nét ở đến cách ứng xử của mỗi dân tộc. Và đây chính là biểu hiện tự nhiên, sâu lắng tinh thần ái quốc bằng văn chương của Tô Hoài.

1.1.1.2. Tô Hoài được mệnh danh là nhà văn của phong tục. Có thể nói, phong tục là chủ đề xuyên suốt hành trình sáng tác 70 năm của ông. Tuy nhiên, trong khuôn khổ của một luận văn, chúng tôi tạm dùng lát cắt lịch sử 1945 làm ranh giới khảo sát. Sự lựa chọn này không cho phép có một cái nhìn toàn diện, song lại có thể được khắc phục bằng cách đặt mảng sáng tác này vào bối cảnh lịch sử thời kỳ thực dân hoá để tìm hiểu một phương diện khác, đó là tinh thần ái quốc bằng văn hoá văn chương - đặc thù cho tầng lớp trí

thức Việt Nam giai đoạn này. Hy vọng, sẽ góp phần xác lập tính chất đặc thù của sáng tác nghệ thuật ở giai đoạn thực dân hóa và cách thức lưu giữ, xây dựng tinh thần dân tộc trong bối cảnh tiếp nhận đi liền với kháng cự những ảnh hưởng ngoại lai.

### **1.1.2. Lý do thực tiễn**

Lâu nay Tô Hoài là nhà văn quen thuộc của nhiều thế hệ độc giả. Đồng thời cũng là một tác giả được đưa vào chương trình giảng dạy các cấp. Thực hiện đề tài “*Phong tục qua sáng tác của Tô Hoài trước 1945*”, trước hết giúp chúng tôi có cơ hội học tập, nâng cao hiểu biết về sáng tác của Tô Hoài nói chung và về nét đặc trưng xuyên suốt trong sáng tác của nhà văn được mệnh danh là “nhà văn của thiếu nhi”, “nhà văn của phong tục”. Đồng thời, chúng tôi hi vọng, trong chừng mực nào đó, kết quả của luận văn sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích đối với bản thân và một số đồng nghiệp trong những bài giảng về sáng tác Tô Hoài.

Đó là những lý do để chúng tôi chọn đề tài cho luận văn cao học là “*Phong tục qua sáng tác của Tô Hoài trước 1945*”.

## **2. Tổng quan vấn đề nghiên cứu**

### **2.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu về Tô Hoài**

Tính từ năm 1944, khi nghiên cứu đầu tiên về Tô Hoài của Vũ Ngọc Phan là “Tô Hoài (Nguyễn Sen)” trong *Nhà văn hiện đại* (tập II, Tân dân xuất bản tại Hà Nội) được công bố, cho đến nay, lịch trình nghiên cứu về sáng tác của Tô Hoài đã kéo dài tới 70 năm, và chắc chắn sẽ không dừng ở đó. Những cây bút nghiên cứu nhiều tâm huyết với sáng tác của Tô Hoài có thể kể đến: Phong Lê, Hà Minh Đức, Phan Cự Đệ, Nguyễn Long, Nguyễn Văn



Long, Vương Trí Nhàn, Trần Hữu Tá, Vân Thanh, Hoàng Như Mai, Nguyễn Đăng Điệp...

Có thể thấy, nghiên cứu và đánh giá về Tô Hoài tập trung ở các vấn đề:

*Cuộc đời và sự nghiệp*: Trong *Tô Hoài tác gia và tác phẩm*, Phong Lê nhận xét: “Trước 1945, trong *Nhà văn hiện đại* của Vũ Ngọc Phan, Tô Hoài được xếp vào nhóm các tác gia tả chân”, là “nhà văn có biệt tài viết về những cảnh nghèo nàn của dân quê”, và phát hiện ra chất giọng “trào lộng và khinh bạc” ở Tô Hoài [26, tr.17]. Còn ở chặng tiếp theo, sau 1945, Tô Hoài được ghi nhận là: “Đi vào đời sống các dân tộc vùng cao trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Tô Hoài có ngay tập truyện **Núi Cứu quốc** (1948)... Dăm năm sau, với thành tựu của *Truyện Tây Bắc* (1953), Tô Hoài nhận những lời khen xứng đáng với quá trình thâm nhập đời sống và chuyển đổi trong tư tưởng của mình. Đề tài miền núi, sau **Truyện Tây Bắc**, Tô Hoài vẫn tiếp tục trên suốt một hành trình dài cho đến cuối những năm 80, trong đó **Miền tây** (1967) nhận được nhiều ý kiến khen về khả năng bao quát đời sống và thiên nhiên miền núi” [26, tr.18].

Nhận định về sự nghiệp của nhà văn Tô Hoài, nhà phê bình Phạm Xuân Nguyên đã khẳng định: “Tô Hoài là một nhà văn lớn của Văn học Việt Nam hiện đại, người có 95 năm tuổi đời nhưng đã dành hơn 70 năm đóng góp cho văn học. Ông là nhà văn chuyên nghiệp, bền bỉ sáng tác và có khối lượng tác phẩm đồ sộ. Ông cũng nổi tiếng từ rất sớm với tác phẩm *Dế Mèn phiêu lưu ký*. Văn chương của ông hướng về những con người, số phận, cuộc đời lầm lạp, đời thường. Ông ra đi vì tuổi trời nhưng văn chương của ông vẫn còn nguyên giá trị. Tôi tin rằng 'chú Dế Mèn' cùng mảng viết tự truyện của ông sẽ được tìm đọc mãi” [4].

Đánh giá này đã được hầu hết các nhà nghiên cứu , phê bình về Tô Hoài chia sẻ . Như tác giả Phong Lê trong bài “Tô Hoài , sáu mươi năm viết”: ”Trước Cách mạng... [ông] làm nên dấu ấn đặc trưng cho trào lưu văn học hiện thực Việt Nam những năm tiền Cách mạng . Sau Cách mạng , với Tô Hoài , là một quá trình 55 viết bền bỉ , liên tục , không ngừng nghỉ , không nản mỏi trên rất nhiều đề tài quan trọng của văn học Việt Nam hiện đại” [26, tr.17].

Trong “Tô Hoài - một đời văn giàu sáng tạo” , Hà Minh Đức cũng khẳng định, sở dĩ Tô Hoài thành một nhà văn có sức sáng tạo lớn, bút lực dồi dào là bởi nhà văn “có tài quan sát ,... Có khả năng làm hiện hình đối tượng , giàu tính khắc họa, giàu chi tiết chân thực” [10, tr.213].

Trần Hữu Tá trong *Tô Hoài một đời văn phong phú và độc đáo*, đã nhấn mạnh vị trí tiêu biểu , và sự độc đáo về nghệ thuật viết của nhà văn này [36, tr.84].

Việc phân loại sáng tác của Tô Hoài , cũng có nhiều ý kiến khác nhau (Vũ Ngọc Phan , Hoàng Trung Thông , Phong Lê , Trần Hữu Tá , Hà Minh Đức,...) song có thể thấy , về chủ đề , có 3 mảng sáng tác của Tô Hoài i được chú ý hơn cả: viết về các vùng quê (chủ yếu là ngoại ô Hà Nội , vùng cao Tây Bắc), viết cho thiếu nhi, viết về quá khứ (hồi ký, tự truyện). Đơn cử một ý kiến của Hoàng Trung Thông : “*Trong văn chương Tô Hoài có ba mảng lớn viết về mình và về quê mình, viết về miền núi và viết cho thiếu nhi*” [26, tr.106]. Toàn bộ Phần hai , Phần ba với 44 trích đoạn , và bài mở đầu của Phong Lê trong *Tô Hoài về tác gia tác phẩm* [26], cùng một số nghiên cứu của Hà Minh Đức [11], Trần Hữu Tá [36],... chính là sự cô đọng của hướng quan tâm này.

Bên cạnh đó cũng đã có một số luận văn, luận án thuộc các cấp bậc đào tạo sau đại học đã chọn sáng tác của Tô Hoài là đối tượng nghiên cứu, như: *Đặc điểm truyện ngắn Tô Hoài* của Vũ Thị Huyền (Luận án Tiến sĩ, ĐHSP HN - 2004), *Tìm hiểu truyện loài vật của Tô Hoài* - tác giả Bùi Văn Dích (Luận án Tiến sĩ, ĐHSP HN - 1999), *Đặc điểm nghệ thuật truyện ngắn Tô Hoài trước Cách mạng* của Phạm Thị Thanh Thủy (Luận văn Thạc sĩ - ĐHKHXH & NV, 2010)... Tuy nhiên, mức độ đóng góp của những tiểu luận này khá khiêm tốn so với các nghiên cứu chuyên sâu mà chúng tôi đề cập ở trên.

## **2.2. Tổng quan nghiên cứu về chủ đề phong tục trong sáng tác của Tô Hoài**

Như trên đã nói, trong hệ thống quan tâm của các nhà nghiên cứu chưa có một tìm hiểu chuyên biệt nào về mảng tác phẩm viết về phong tục của ông. Tuy nhiên, chất lọc qua các ý kiến mang tính đan xen khi các nhà nghiên cứu bàn về những tác phẩm lẻ, hoặc nghệ thuật viết của Tô Hoài, hoặc những tâm tình nghề nghiệp của chính Tô Hoài về việc viết các tác phẩm liên quan đến các miền quê, tập tục, chúng tôi thấy đã có nhiều ý kiến đề cập đến vấn đề này.

Trước hết là Vũ Ngọc Phan. Đọc Tô Hoài theo từng tác phẩm, nhà phê bình đã thấy ở *Quê người* “những thói tục cùng những cách sinh hoạt của những người sống về nghề dệt lĩnh ở vùng Bưởi (chúng tôi nhấn mạnh)” [26, tr.53]; trong *O chuột* “đầy phong vị và màu sắc của thôn quê” [26, tr.59].

Nhà nghiên cứu Nguyễn Đăng Mạnh trong bài “Khải luận” cho *Tổng tập văn học Việt Nam* (tập 30A) cũng nhận ra “cái thần” của nhà văn Tô Hoài: “Trong tác phẩm “*Quê người*”, “*Giăng thề*”, “*Nhà nghèo*”, “*Xóm giếng ngày xưa*” tác giả viết về vùng Nghĩa Đô của mình ông thường nhìn nông thôn về phía phong tục, với cặp mắt sắc sảo, nhưng qua các tác phẩm ta vẫn

thấy rõ cuộc sống đầy những cảnh gieo neo, cơ cực, ly tán, tha hương của nông thôn Việt Nam trước cách mạng tháng Tám” [30, tr.52].

Với Hà Minh Đức, sáng tác của Tô Hoài từ trước 1945 như *Nhà nghèo, Giăng thề, Xóm Giếng* đều tập trung “miêu tả con người, cuộc sống vùng Bưởi, một làng quê ở Nghĩa Đô, nơi có nghề dệt lĩnh và làm giấy thủ công. Vùng quê ngoại mà Tô Hoài đã sinh sống từ thưở nhỏ” [11, tr.111]. Nhà nghiên cứu tổng kết : “Làng quê trong tác phẩm Tô Hoài còn hiện lên với nhiều màu vẻ, nhiều kiểu người sinh động và những phong tục tập quán tự lâu đời qua nhiều truyện vừa , truyện ngắn . Truyện ngắn của Tô Hoài có một phong vị riêng. Ông không viết dài. Câu chuyện thu gọn lại trên năm bảy trang giấy. Ở đây hiện lên một mẫu đời, một vài sự việc và tâm trạng của một số người” [7, tr.19].

Đọc riêng tác phẩm viết sau 1945 là *Miền Tây*, Khải Vinh cũng nhận thấy: “Đọc *Miền Tây*, dường như người ta bị thiên nhiên thu hút hơn con người và khi tiếp xúc với đời sống nhân vật thì những phong tục tập quán lại được biểu hiện sinh động hơn là tâm trạng” [26, tr.360].

Đánh giá từ nghệ thuật viết , Phan Cự Đệ cho rằng: “Tô Hoài có một khả năng quan sát đặc biệt, rất thông minh, hóm hỉnh và tinh tế. Khả năng này giúp anh thành công khi miêu tả và cảm thụ: cảnh vật thiên nhiên, sinh hoạt hàng ngày, phong tục lễ nghi, thế giới loài vật” [26, tr.98].

Nói về cách viết của Tô Hoài, Phong Lê chỉ ra rằng: “Dấu ấn phong tục vẫn là nét nổi trội trong văn Tô Hoài khiến cho hứng thú đọc truyện của chúng ta luôn được tác giả dẫn dắt đi vào nhiều ngõ ngách bất ngờ. Đó là cảnh vào làng hội xuân, đám cưới và đám ma, một cuộc lên đồng, đám cuộc tỏ tình của trai gái” [26, tr.27]. Nhận xét về Tô Hoài, nhà nghiên cứu văn học người Nga - Niculin - đã viết: “Những truyện trong đó đã tái hiện thật chính xác gần như có tính chất dân tộc học thổ tục học khi dựng lại mọi phong tục

tập quán, lễ thói sinh hoạt của dân Việt Nam cổ” [26, tr.129]. Về phong cách nghệ thuật của Tô Hoài, Trần Hữu Tá tổng kết:

*Có thể nói Tô Hoài có một nhãn quan phong tục đặc biệt nhạy bén, sắc sảo. Trước cách mạng tháng Tám, viết về nông thôn, ông đã giúp độc giả biết thế nào là tục tảo hôn, nạn nặc nô đòi nợ, cách chữa bệnh theo lối mê tín, tục lệ giỗ, tết, ma chay... Sau cách mạng tháng Tám, Tô Hoài đặc biệt chú ý đến những phong tục độc đáo của các dân tộc miền núi Tây Bắc, đặc biệt là dân tộc HMông: những phong tục đầu xuân: cách ăn mặc, lối vui chơi... Những tục lệ kỳ quái man rợ có tính chất trung cổ do đế quốc, phong kiến duy trì... Tuy nhiên, việc mô tả phong tục, dù quan trọng thế nào cũng không được lấn át ý nghĩa xã hội [26, tr.160].*

Có thể thấy, nhiều người đọc chuyên môn đã nhận ra ‘nét vẽ phong tục’ trong các miêu tả của Tô Hoài ở mọi mảng sáng tác, qua mọi thời kỳ.

Trong khuôn khổ đào tạo sau Đại học, mảng sáng tác về phong tục của Tô Hoài cũng được lựa chọn thành đề tài nghiên cứu ... như: *Vấn đề thể hiện phong tục trong tác phẩm Tô Hoài* của Lê Thị Dương (Luận án Tiến sĩ, ĐHSPT HN - 1995), *Tìm hiểu sáng tác của Tô Hoài về bản sắc dân tộc người miền núi Tây bắc* của Hoàng Mạnh Tiến (Luận án Tiến sĩ - ĐHSPT HN - 1983), *Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên và phong tục tập quán trong truyện Tây Bắc và Miền Tây của Tô Hoài* của tác giả Hồ Thị Tuyết (Luận án Tiến sĩ, ĐHSPT Vinh - 2010), *Khuynh hướng phong tục trong sáng tác trước năm 1945 của Tô Hoài - Kim Lân - Bùi Hiên* của Trần Văn Hồng (Luận án Tiến sĩ, ĐHSPT HN - 2005)... Đây là những tìm tòi tập trung nhất về phong tục trong sáng tác của Tô Hoài, nhưng tìm hiểu cụm tác phẩm thuộc giai đoạn trước 1945 như cách đặt vấn đề của chúng tôi thì có thể coi là chưa có một luận văn, luận án nào thực hiện.

Xuất phát từ những thực tế trên đây , việc lựa chọn đề tài “ *Phong tục qua sáng tác của Tô Hoài trước 1945*” của chúng tôi sẽ có ý nghĩa đi sâu vào một vấn đề từng được giới nghiên cứu nhận biết nhưng mới dừng ở cấp độ đơn vị tác phẩm chứ chưa phải như một chủ đề mang tính xuyên suốt trong sự nghiệp sáng tác của Tô Hoài. Và trên cơ sở kế thừa kết quả mà nhiều người đi trước đã đạt được qua nghiên cứu những *phong tục trong sáng tác của Tô Hoài trước 1945*, chúng tôi sẽ đi sâu hơn vào khía cạnh văn hóa của mảng tác phẩm này để làm rõ thêm đặc thù của đời sống tinh thần dân tộc giai đoạn trước 1945.

### **3. Đối tượng và mục tiêu nghiên cứu**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Sự nghiệp của Tô Hoài đã khép lại với một di sản phong phú . Tuy nhiên, vấn đề mà luận văn này quan tâm sẽ tập trung vào những sáng tác của nhà văn viết về phong tục , ở cả hai hình thức trực tiếp và gián tiếp, tập trung trong khoảng thời gian ông bắt đầu cầm bút cho đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945.

#### **3.2. Mục tiêu nghiên cứu**

Luận văn hướng đến hai vấn đề:

- Tìm hiểu mối quan tâm và cách thức thể hiện các tập tục sinh hoạt qua sáng tác văn xuôi của Tô Hoài. Hay nói khác đi, là tìm hiểu những đường nét, không khí của tập tục cũng như phương thức nghệ thuật mà Tô Hoài đã sử dụng để khắc họa chủ đề này.

- Chỉ ra ý nghĩa lịch sử , văn hoá, văn chương của mảng sáng tác này trong sự nghiệp của cá nhân nhà văn Tô Hoài cũng như trong giai đoạn lịch sử xã hội Việt Nam trước 1945.

### **4. Nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu**

#### **4.1. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Bắt đầu bằng việc thống kê những tác phẩm viết về phong tục, tập quán trong di sản của Tô Hoài, luận văn tiếp đó sẽ miêu thuật tóm lược những tác phẩm chính và cụm tác phẩm trước 1945. Dựa trên những thao tác cơ bản này, chúng tôi sẽ đưa ra những nhận xét sơ bộ về thể loại, nội dung... làm cơ sở cho việc phân tích, đánh giá những ý nghĩa của chúng trong đời sống văn hóa văn chương đương thời.

#### **4.2. Phương pháp nghiên cứu**

Do vấn đề quan tâm thuộc lĩnh vực văn học sử nên luận văn sẽ đặt đối tượng nghiên cứu vào bối cảnh của nó, đó là cái nhìn lịch sử. Bên cạnh đó luận văn cũng sẽ sử dụng một số gợi ý của phương pháp nhân học văn hoá, liên ngành để xử lý vấn đề trong những tình huống cần thiết. Và để cụ thể hoá cho các hướng tiếp cận trên, chúng tôi sẽ sử dụng một số thao tác như so sánh, phân tích, tổng hợp.

#### **5. Phạm vi nghiên cứu**

Luận văn sẽ khảo sát toàn bộ tác phẩm viết trước 1945 của Tô Hoài gồm: *O chuột*, *Nhà nghèo*, *Giăng thề*, *Quê người*, *Xóm giếng ngày xưa*, *Cỏ dại*, và *Dế Mèn phiêu lưu ký* trong *Tuyển tập Tô Hoài* (3 tập) do Nhà xuất bản Văn học ấn hành năm 1996.

Bên cạnh đó những sáng tác cùng chủ đề ra đời sau 1945 sẽ được sử dụng như những chất liệu so sánh khi phân tích, lập luận để tăng tính thuyết phục của các nhận định, kết luận.

Việc đối sánh này cũng có thể được mở rộng ra với những công trình/tác phẩm của một số nhà biên khảo, nhà văn khác, như *Việt Nam phong tục* của Phan Kế Bính

#### **6. Đóng góp của luận văn**

Luận văn sẽ là một thống kê , trình bày cụ thể về các phong tục được thuật tả trong các tác phẩm sáng tác trước 1945 của Tô Hoài . Trình bày này được kết hợp với những phân tích về nghệ thuật viết của nhà văn , từ đó sẽ đi đến lý giải vì sao đây là một trong những chủ đề thành công của Tô Hoài.

Tập trung vào giai đoạn trước 1945, việc tìm hiểu của chúng tôi hy vọng sẽ góp phần xác lập tính chất đặc thù của sáng tác nghệ thuật ở giai đoạn thực dân hoá và cách thức lưu giữ , xây dựng tinh thần dân tộc trong bối cảnh tiếp nhận đi liền với kháng cự những ảnh hưởng ngoại lai.

## **7. Cấu trúc luận văn**

Ngoài phần Mở đầu Kết luận và Tài liệu tham khảo, luận văn có 3 chương:

*Chương 1.* Chủ đề phong tục trong sáng tác trước 1945 của Tô Hoài.

*Chương 2.* Những mảng màu hiện thực trong bức tranh phong tục mang tên Tô Hoài trước 1945.

*Chương 3.* Bức tranh phong tục thời thực dân - một biểu tả đa trị.



## NỘI DUNG

### Chương 1

## CHỦ ĐỀ PHONG TỤC TRONG SÁNG TÁC TRƯỚC 1945 CỦA TÔ HOÀI

### 1.1. Giai đoạn trước 1945 trong sự nghiệp văn chương của Tô Hoài

#### 1.1.1. Vài nét về Tô Hoài (1920-2014)

Tô Hoài tên thật là Nguyễn Sen. Quê nội của ông là huyện Thanh Oai, Hà Tây nhưng nơi chôn rau ở quê ngoại - làng Nghĩa Đô, phủ Hoài Đức tỉnh Hà Đông cũ (nay là phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội). Đó cũng chính là mảnh đất gắn bó gần cả cuộc đời.

Từ 1938 chịu ảnh hưởng của phong trào Mặt trận Bình dân, Tô Hoài tham gia phong trào Ái hữu thợ dệt và Thanh niên dân chủ ở Hà Nội, rồi tham gia phong trào Thanh niên phản đế. Năm 1943, ông gia nhập tổ Văn hóa cứu quốc đầu tiên ở Hà Nội. Sau Cách mạng tháng Tám và trong kháng chiến chống Pháp, Tô Hoài lên Việt Bắc làm báo *Cứu quốc*, công tác ở Hội văn nghệ Việt Nam. Từ 1957 đến 1980, ông sống tại Hà Nội và gắn bó với nghề cầm bút.

Hành trình sáng tác của Tô Hoài trải qua 70 năm, đã để lại hơn 160 tác phẩm thuộc nhiều thể loại, đề tài: từ miền ngược đến miền xuôi, cho đối tượng người lớn và cho thiếu nhi, từ truyện ngắn đến tiểu thuyết, từ truyện đồng thoại đến hồi ký và kịch bản phim, hồi ký.

#### 1.1.2. Sự nghiệp của Tô Hoài nhìn qua dấu mốc thời gian

**Trước 1945** Tô Hoài đã xuất hiện trước công chúng bằng một loạt tác phẩm, như: *Đế mèn phiêu lưu kí* (1941), *O chuột* (1941), *Quê người* (1942), *Giăng thề* (1941), *Nhà nghèo* (1943), *Nước lên* (1942), *Xóm Giếng ngày xưa*  
*Số hóa bởi Trung tâm Học liệu – ĐHTN* <http://www.lrc.tnu.edu.vn>

(1944), *Cỏ dại* (1944)... Tô Hoài đã sớm khẳng định tên tuổi của mình trong đời sống văn chương đương thời. Ngay chặng đầu sáng tác, Tô Hoài đã sớm xác lập một phong cách riêng. Nhà nghiên cứu Phong Lê đánh giá : “Trước Cách mạng, truyện của Tô Hoài in đậm cảm quan nghệ thuật và giọng điệu riêng của ông-một cây bút sung sức, đứng bên Nam Cao, làm nên một dấu ấn đặc trưng cho trào lưu văn học hiện thực Việt Nam những năm tiền Cách mạng” [26, tr.17].

**Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945** Tô Hoài có sự chuyển biến mạnh mẽ về tư tưởng và sáng tác. Theo nhiều nhà nghiên cứu, tâm trạng trầm trở, phân vân định hướng không dừng lại quá lâu ở Tô Hoài. Ông đã nhanh chóng chiếm lĩnh hiện thực cuộc sống và sáng tạo thành công nhiều tác phẩm có giá trị ở các thể loại khác nhau. Trong đó, tiểu thuyết *Miền Tây* của ông đạt giải thưởng Bông sen vàng của Hội Nhà văn Á Phi vào năm 1970. Bước chuyển trong sáng tác của Tô Hoài được thể hiện rõ ở cả chủ đề và đề tài. Tô Hoài không bó hẹp nội dung và đối tượng phản ánh trong phạm vi của một vùng dân nghèo ngoại thành Hà Nội nơi ông từng gắn bó, mà còn hướng đến một không gian rộng lớn, đến với cuộc sống của nhiều lớp người, nhiều vùng đất khác nhau. Tây Bắc không còn là miền đất xa lạ, nó đã trở thành quê hương thứ hai của Tô Hoài. Sau Cách mạng tháng Tám 1945, Tô Hoài đã có thời gian đi thực tế và sống với đồng bào Tây Bắc. Nhờ trải nghiệm này, ông đã có những đóng góp đáng kể cho nền văn học Việt Nam hiện đại. Tác phẩm đầu tiên của Tô Hoài viết về miền núi là tập truyện *Núi Cứu quốc* (1948). Ở tác phẩm này ông đã thể hiện được cảnh sống vất vả, thiếu thốn, nhưng giàu nghĩa tình đối với cách mạng, cũng như ý chí quyết tâm chiến đấu của người dân miền núi. Tuy nhiên, tác phẩm này còn nặng về thể hiện, miêu tả các tài liệu, bề mặt của vấn đề mà ít đi vào khám phá chiều sâu, bản chất của nó để

rồi “chết chìm trong tài liệu” như chính nhà văn đã tâm sự trong *Một số kinh nghiệm viết văn của tôi*. Phải đến *Truyện Tây Bắc*, Tô Hoài mới có được sự thành công đặc sắc ở mảng đề tài về miền núi Tây Bắc. Tập *Truyện Tây Bắc* gồm ba truyện: *Mường Giôn*, *Cứu đất cứu mường*, *Vợ chồng A Phủ* mang âm hưởng ngợi ca thành tựu của Cách mạng tháng Tám và chính sách dân tộc lúc bấy giờ, và bộc lộ nhận thức của Tô Hoài về mối quan hệ giữa nghệ thuật với cách mạng. Đề tài miền núi của Tô Hoài còn được tiếp tục qua nhiều tác phẩm khác từ sau 1955, như: *Miền Tây*, *Tuổi trẻ Hoàng Văn Thụ*, *Họ Giàng ở Phìn Sa*, *Nhớ Mai Châu*,... Tác phẩm về đề tài miền núi của ông được xếp vào loại văn xuôi giàu chất thơ, với những miêu tả phong tục tập quán lâu đời, những sinh hoạt truyền thống của cư dân vùng cao. Đó là: *Truyện Tây Bắc* (1953), *Mười năm* (1958), *Vợ chồng A Phủ* (1960), *Miền Tây* (1967). Từ những năm 1980 trở đi sáng tác của Tô Hoài mà được đọc rộng rãi là *Tự truyện* (1978), *Những ngõ phố, người đường phố* (1982), *Quê nhà* (1980), *Cát bụi chân ai* (1992), *Chiều chiều* (1999), *Chuyện cũ Hà Nội* (hai tập, 1988)... lại dường như quay về với trải nghiệm sống lâu đời của ông, là Hà Nội và ký ức. Ở tiểu mục 1.1.3 dưới đây chúng tôi sẽ trở lại kỹ hơn với giai đoạn văn chương này của Tô Hoài.

Với *Mười năm* (1958), nhà văn hướng đến quá trình giác ngộ cách mạng cũng như sức mạnh của quân chúng trong các phong trào đấu tranh chống lại sự áp bức bóc lột thời thực dân phong kiến ở miền núi. Sau tiểu thuyết *Mười năm*, Tô Hoài còn viết nhiều tác phẩm khác về ngoại thành Hà Nội như: *Quê nhà*, *Những ngõ phố, người đường phố*, và gần đây là *Chuyện cũ Hà Nội* (hai tập). Điều đó cho thấy vốn sống, nguồn tư liệu, cũng như nguồn cảm hứng sáng tác của Tô Hoài về Hà Nội vô cùng phong phú đa dạng. Từ các tác phẩm viết về Hà Nội của ông, người đọc có điều kiện hiểu hơn về

phong tục, nếp sinh hoạt, tên gọi phổ phùng, con người Hà Nội trải dài suốt cả thế kỉ XX trong cuộc sống đời thường và cả trong chiến tranh.

Đặc biệt, Tô Hoài có các tập truyện mang tính h ồi kí, như *Tự truyện*, *Cát bụi chân ai*, *Chiều chiều*. Hồi ký của Tô Hoài đã từng trở thành những “vụ việc” trong sinh hoạt văn chương hiện đại bởi nó hé lộ một vài góc khuất của một vài tác giả văn chương quen thuộc và để lại dấu ấn trong thể loại này bởi nghệ thuật kể chuyện độc đáo.

Bên cạnh những mảng sáng tác trên, Tô Hoài còn tiếp tục viết khá nhiều tác phẩm cho thiếu nhi như: *Con mèo lười*, *Vừ A Dính*, *Đảo hoang*, *Chuyện nỏ thần*, *Nhà Chử*... Ở mảng sáng tác này, Tô Hoài vẫn có được độc giả của mình, tuy nhiên *Dế mèn*... vẫn là đỉnh cao của dĩ vãng.

Không chỉ thành công ở thể loại truyện ngắn và tiểu thuyết, Tô Hoài còn đạt được thành tựu đặc sắc ở thể kí. Nhiều tác phẩm kí của ông xuất hiện sau những chuyến đi lên Tây Bắc như *Nhật kí vùng cao*, *Lên Sùng Đô*, hay đi thăm nước bạn như *Tôi thăm Campuchia*, *Thành phố Lênin*, *Hoa hồng vàng song cửa*,... và một số kịch bản phim . Tuy nhiên, trong khuôn khổ giới hạn của luận văn chúng tôi xin được lướt qua mảng tác phẩm này . Và chẳng đã có một vài nghiên cứu đề cập đến những phương diện này của Tô Hoài<sup>1</sup>.

### **1.1.3. Văn chương của Tô Hoài trước 1945**

Nhìn lại mảng sáng tác trước Cách mạng tháng Tám 1945 của Tô Hoài có thể thấy viết truyện là sở trường và nét độc đáo của ông. Sau này, Tô Hoài đã bộc bạch qua *Tự truyện* về việc ông đến với nghề văn, ông viết: “Tôi vào nghề văn có trong ngoài ba năm trước Cách mạng tháng Tám, 1945 mà

<sup>1</sup> Xin xem những bài trong cuốn *Tô Hoài về tác giả và tác phẩm* như: *Thành phố Lê Nin - Bút ký của Tô Hoài* (Nguyễn Ngọc); *Đọc Tôi thăm Campuchia* (Xuân Trinh); *Kim Đồng - một bộ phim về truyền thống cách mạng của nhân dân ta* (Nguyễn Hò); *Lên Sùng Đô của Tô Hoài* (Phương Thảo)...[ 26].

tôi viết như chạy thi được năm truyện dài, truyện vừa, ba tập truyện ngắn, còn truyện thiếu nhi như *Dế mèn* thì mấy chục truyện, cái in, cái chưa in, tôi không nhớ hết. Viết để kiếm miếng sống lúc ấy thì phải viết khỏe như thế vậy” [26, tr.20].

Có thể thấy rõ c ảnh sắc cũng như con ngư ời của vùng quê ven đô - quê ngoại và cũng là quê sinh ra tác giả là hiện thực được nhà văn quan tâm nhất trong giai đoạn “viết khỏe” này.

Cuộc sống cùng quần bé tắc của những kiếp người nghèo khổ, lang thang, phiêu bạt nơi đất khách quê người, những người thợ thủ công bị phá sản xuất hiện dần qua từng trang sách với tất cả niềm cảm thông chân thành của nhà văn. Đó là số phận của chị Hối trong truyện *Ông cúm bà co*, bị ốm nhưng không có thuốc men chữa chạy, rồi bệnh nặng dần vì kém hiểu biết, mê tín, kết cục phải “ra đồng” bỏ lại mấy đứa con thơ dại. Cay đắng hơn là số phận của bé Gái trong cảnh *Nhà nghèo*. Nó sinh ra trong gia đình nghèo khổ, túng thiếu và nhiều lần chứng kiến cảnh cha mẹ cãi nhau. Nó bị rấn cắn chết trong khi cùng với cha mẹ cố tìm miếng ăn cho gia đình, “người nó có bao nhiêu xương sườn, giờ hết ra cả”... Nếu như bức tranh *Quê người* là sự sụp đổ như chính cái xà ngang của ngôi nhà ọp ẹp bị gãy đổ ở cuối truyện. Còn ở *Xóm Giếng ngày xưa* dường như Tô Hoài ít nhiều có đổi thay bằng việc thể hiện khát vọng thoát khỏi bế tắc, thoát khỏi cuộc sống nhàm chán buồn tẻ và vô vị qua ước mơ của một chàng trai về “một trận mưa rào cho lòng người hả hê và cho trời quang đặng” và hãy cất bước vào một buổi mai, nhắm về phía “chân trời mới đỏ thắm màu hi vọng”. Song về căn bản vẫn khát vọng đó vẫn đặt trên một nền hiện thực tăm tối: chàng trai vì nghèo mà anh không lấy được người mình yêu “sự nghiệp anh không có”, “nhà anh thanh bạch quá”, “bấy nay anh chỉ có một tấm lòng”. Đây chính là lý do để

Tô Hoài được xếp vào nhóm “các tác gia tả chân” (Vũ Ngọc Phan) của văn chương Việt Nam trước 1945.

Song có lẽ, nét độc đáo nhất của Tô Hoài lại nằm ở những truyện về loài vật. “Đường dây truyện không nhiều màu vẽ phức tạp mà đôi lúc đơn giản: đôi ri đá làm tổ, chú gà trống đi tìm bạn tình, một đời vênh vang và tàn phai của Gà chọi, cuộc phiêu lưu của Dế Mèn. Và chính trên mạch truyện tự nhiên ấy ngòi bút tác giả đã biến hóa tạo nên những lý thú cho các “nhân vật hỗn tạp và đa dạng” của mình. Ngòi bút của Tô Hoài đã phát hiện cái ngộ nghĩnh, lố lăng, khoe mẽ, đa điệu của một số loài vật” [26, tr.469]. Với chùm truyện về loài vật ở giai đoạn sáng tác này, Tô Hoài đã khẳng định được sở trường của mình và được coi là dấu ấn hoàn toàn “Tô Hoài” cho cả sự nghiệp văn chương lâu dài về sau của ông cũng như trong đời sống văn chương Việt Nam thời hiện đại. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng nhà văn có khả năng quan sát tinh tế, sắc sảo, sống thực trong thế giới tự nhiên, nhìn ra yếu tố truyện trong đời sống tự nhiên của loài vật, và có tài biến những quan sát đó thành yếu tố truyện trong sáng tác của mình. Bên cạnh đó, thế giới ấy gợi lên ở người đọc sự liên tưởng đến nhiều vấn đề trong đời sống xã hội của con người. Như nhận xét của nhà nghiên cứu Hà Minh Đức:

*Những tác phẩm viết trước cách mạng tháng Tám 1945 như **Dế Mèn phiêu lưu ký**, **Quê người**, **Giăng thề** và nhiều truyện ngắn khác đã miêu tả chân thực không khí của một vùng quê tiêu điều, tàn lụi dần trước chính sách chính trị và kinh tế của thực dân Pháp và phát xít Nhật [26, tr.306].*

Tóm lại, sáng tác trước Cách mạng tháng Tám, Tô Hoài có cùng lúc hai đối tượng quan sát, hai mối quan tâm. Một là cuộc sống xung quanh mình, nơi miền quê sát gần thành thị đã không còn mấy sự yên lành, thơ mộng. Một

miền quê đang ngấm dần và mở rộng sự bản hàn và tưng đỏi, thất nghiệp và ly tán. Và một bên là tiếp tục của tuổi thơ, sự theo đuổi một thế giới riêng của con trẻ, thế giới loài vật, với những ước mơ, tưởng tượng và khao khát như trong *Dế Mèn phiêu lưu kí*, *O chuột*, rồi *Cổ đại*. Đồng thời những sáng tác của Tô Hoài đậm tính nhân văn và mang dấu ấn khá sâu đậm về một quãng đời của ông. Trong hồi ký *Một quãng đường* viết năm 1972 ông quan niệm: “Sáng tác của tôi đều miêu tả tâm trạng tôi, gia đình tôi, làng tôi, mọi cái của mình quanh mình. *Quê người, Giãng thề, Xóm Giếng ngày xưa*, trong đó có những mảnh đời, mảnh tình cón con của mình. Cả những chuyện loài vật tưởng như xa lạ kia cũng không ngoài cái rộn ràng hay thâm lặng của khu vườn trước cửa” [11, tr.280].

## 1.2. Khảo sát sơ bộ tác phẩm có chủ đề phong tục trong sáng tác của Hoài

### 1.2.1. Về khái niệm “Phong tục”

Do đây là một vấn đề văn hoá có ảnh hưởng sâu rộng nên đã có khá nhiều định nghĩa và nghiên cứu về nó.

Trước hết là các bộ Từ điển giải thích nghĩa ở cấp độ chữ (phong, tục) hoặc từ (phong tục). Do hạn hẹp về thời gian và khuôn khổ luận văn chúng tôi chỉ lựa chọn cách giải thích mục *tự* và từ “phong/tục/phong tục” qua một số bộ từ điển như: *Từ điển Hán Việt* do Thiều Chửu soạn cắt nghĩa theo từ ngữ như sau: “**Phong**” có nhiều nghĩa, trong đó ở nét nghĩa thứ hai “là cái mà tục đương chuộng”, nét nghĩa thứ tư là “thói quen của một người mà được mọi người bắt chước gọi là phong”. Còn “**Tục**” là “trên hóa kẻ dưới gọi là phong, dưới bắt chước theo trên gọi là tục”. *Hán Việt từ điển* của Đào Duy Anh thì định nghĩa vắn tắt hơn “Phong tục là thói quen trên xã hội”. Đây là cách cắt nghĩa đi từ góc độ từ nguyên, nên đã thành cơ sở để các bộ Từ điển tiếng Việt dành cho đại chúng giải thích cặp từ “ **Phong tục**” (của nhóm Hoàng Phê ,

Thanh Nghị hay Hoàng Thúc Trâm ) là “thói quen đã có từ lâu đời, đã ăn sâu vào đời sống xã hội, được mọi người công nhận và làm theo”.

Không chỉ dừng lại trong các bộ từ điển , cách hiểu này còn được lấy làm căn cứ để thực hiện một khảo cứu rộng *Đất lề quê thói - Phong tục Việt Nam* (1970, Sài Gòn). Trong lời tựa cho công trình này , Nhất Thanh dẫn giải: “**Phong**” là sự gì người này xướng lên kẻ khác nối theo rồi thành thói quen, như vật theo gió hòa vào nhịp điệu mà không biết; “**tục**” là thói bắt chước người trên, lâu dần hóa thành quen thuộc. “Nói cho gọn thì người trên cảm hóa người dưới gọi là Phong, người dưới tập nhiễm được gọi là Tục” [39, tr.5]. Hoặc sau này , từ góc độ nghiên cứu văn hoá , trong *Tìm hiểu văn hoá Việt Nam* của Trần Ngọc Thêm: “Gắn liền với tín ngưỡng, tiếp nối tín ngưỡng là phong tục, đó là những thói quen ăn sâu vào đời sống xã hội từ bao đời nay được đại đa số mọi người chấp nhận làm theo. **Phong**: là gió; **Tục**: là thói quen, phong tục: là thói quen lan rộng. Phong tục có mặt trên tất cả mọi lĩnh vực của xã hội, phong tục mang tính cổ truyền thuyên thống văn hóa thể hiện qua sinh hoạt xã hội như: ma chay, cưới xin, lễ tết... Mỗi loại phong tục có bản chất quy định bởi truyền thống văn hóa của mỗi dân tộc” [40].

Bên cạnh đó, chúng ta còn có thể đi tìm những “định nghĩa” khác thông qua những công trình biên khảo về vấn đề này . Chẳng hạn trong *An Nam phong tục sách* (hay *Tiểu học bản quốc phong tục sách*) - một tác phẩm bằng chữ Hán được khắc in năm 1908, tác giả Mai Viên Đoàn Triễn (1854-1919), viên học quan có nhiều hoạt động liên quan đến việc giáo dục của Việt Nam đầu thế kỷ XX , đã trình bày tập tục Việt Nam thời kỳ đó qua 72 mục và có thể nhóm lại thành 2 nhóm: những phong tục về các ngày lễ chính trong năm (11 mục) và những tập tục xung quanh sinh hoạt thường ngày (61 mục) [42]. Đến *Việt Nam phong tục* (1915) của Phan Kế Bính (1875-1921), nhà biên



khảo đã trình bày tập tục dân tộc bằng chữ quốc ngữ Latin hoá và diện khảo sát còn rộng và chi tiết hơn nữa , tuy ông nhóm lại thành 3 nhóm: phong tục trong gia tộc, hương đảng (tức làng xã), xã hội.

Kết hợp lại, chúng tôi chọn cách hiểu “Phong tục” là những thói quen lâu đời được cộng đồng thừa nhận , thực hiện theo và lưu truyền đời này qua đời khác; phong tục có hay có dở, và đến thời hiện đại nó là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học xã hội khác nhau : như xã hội học, dân tộc học, văn học, tâm lý học ... Vì phong tục tập quán bao chứa bản sắc sinh hoạt và văn hoá tộc người i hoặc nhóm cư dân nên đó chính là một trong những khu vực lưu giữ các giá trị văn hoá qua thời gian, do đó nó cũng là nơi có thể quan sát các truyền thống và sự thay đổi của chúng theo không-thời gian.

### ***1.2.2. Lược điểm các tác phẩm của Tô Hoài viết trước 1945 về chủ đề phong tục***

Như trên đã nói, ở tuổi hai mươi - Tô Hoài đã có: *Dế Mèn phiêu lưu ký* (1941), *Quê người* (1941), *O chuột* (1942), *Giăng thề* (1943), *Nhà nghèo* (1944), *Xóm Giếng ngày xưa* (1944), *Cỏ dại* (1944). Mỗi tác phẩm một vẻ, song chúng đều là những chất liệu để khảo sát vấn đề mà chúng tôi quan tâm, là phong tục - với hàm nghĩa đã tạm quy ước như trên. Để tạo cơ sở cho các phân tích, trước hết chúng tôi sẽ thực hiện một lược thuật về những tác phẩm này.

*Dế Mèn phiêu lưu kí* kể lại những cuộc phiêu lưu lý thú, đầy sóng gió của chàng Dế Mèn. Theo miêu tả của Tô Hoài, đó là một chàng Dế thanh niên cường tráng, chán cuộc sống tầm thường, quần quanh bên bờ ruộng đã cất bước ra đi để mở rộng tầm mắt và tìm một lẽ sống tốt đẹp. Nhưng cũng trong chính không gian này, Dế Mèn đã biến thành một kẻ hống hách, hung hăng, và sự ngông cuồng thậm chí còn dẫn đến cái chết thương tâm của Dế Choắt.

Sau sự việc này, Dế Mèn buộc phải rời đi, rồi bị giam vào cái lồng tre vốn để đựng châu chấu, có cửa với then gài chắc chắn. Đến khi bị bác Xiển Tóc trừng phạt, Dế Mèn mới thực sự tỉnh ngộ. Trở về nhà giờ đây không phải là trở về với không gian tầm thường, tù túng ngày trước mà cốt là để thăm lại những người thân, để chuẩn bị cho việc phá vỡ không gian đời thường và bước chân vào con đường phiêu lưu. Dế Mèn bước chân vào không gian tha hương. Mỗi bước chân là mỗi đổi thay. Mỗi thời khắc lại gặp một cảnh mới, vùng quê mới lạ với những phong tục chưa từng thấy, cùng với sự xuất hiện của những con đường đầy thử thách và hiểm họa. Sau hành trình phiêu bạt, đã từng lạc vào xứ sở của Đại vương ếch Cóm, vào thành lũy hiểm hóc của họ nhà Kiến, Dế Mèn đã thực hiện được lí tưởng của mình. Một thế giới hòa bình, đại đồng đã được thiết lập cùng những người bạn đồng tâm. Truyện khép lại với hành trình trở lại quê nhà của Dế Mèn.

Cuộc phiêu lưu của chú Dế Mèn qua nhiều miền đất lạ, phải vượt qua bao khó khăn, gặp nhiều đối thủ dữ tợn nhưng dế mèn vẫn kiên tâm đi theo đích của mình. Ý thức về sự công bằng trong cuộc sống luôn thôi thúc mọi hành động bảo vệ lẽ phải, bảo vệ kẻ bị đe dọa. Đó còn là giấc mơ của tuổi thơ, một biểu thị của lòng ham thích sự sống bay bổng nơi cao xa và một chí hướng muốn vượt khỏi những “khuôn khổ bằng phẳng”.

Trong tác phẩm xuất bản cùng năm (1941) *Quê người*, Tô Hoài tập trung viết về đời sống của người dân quê sống nghề dệt cử ở vùng Bưởi, ngoại thành Hà Nội. Cụ thể, đó là cảnh tượng huyên náo, rộn rập tiếng trống, tiếng nói cười của dân làng trong suốt mùa lễ hội. Không gian ấy là sự kết hợp giữa âm thanh, hình ảnh trong không khí vui tươi, phấn khởi: “Trước cửa đình làng Thượng, ánh sáng những đèn dầu, đèn đất, những đóm đuốc hồng rực lên, từ tam quan trở vào. Tiếng trống, tiếng mõ, tiếng thanh la, nạo bạt,

tiếng cười xôn xao, ồn ồn, không thể phân biệt được. Rõ ra đám hội đương lúc cực đông” [8, tr.21].

Cả làng quê không còn bóng của cái đói, cái nghèo. Con người rạng ngời trong niềm vui lễ hội. Không chỉ miêu tả sắc nét các lễ hội truyền thống của văn hóa dân gian, Tô Hoài còn chú ý đến những nét đẹp trong tập tục cưới hỏi.

Trong truyện *Quê người*, người đọc còn được chứng kiến về đám cưới với trang phục truyền thống của cô dâu, chú rể.

*Chú rể Hời ăn mặc rất chỉnh, nhưng nèn. Đầu chít khăn lượt, đội nón chóp có quai lụa. Áo the cặp áo trắng. Cô dâu thắt ra ngoài cái thắt lưng nhiễu tam giang, chiếc dây sà tích bạc lủng lẳng, lách cách. Ở trong thêm cái thắt lưng hoa hiên. Ở trong nữa, lại còn đôi giải yếm lụa bạch. Đôi guốc nàng đi là đôi guốc mới, sơn đen... Cô dâu mang nghiêng chiếc nón lá chuông to bằng cái mẹt. Cả đám cưới đẹp đẽ, nhiều màu tung bồng đi ra cổng xóm Giếng rồi dọc theo bờ sông Lịch [8, tr.85-87].*

Lúc đưa dâu, trước khi tiễn cháu gái về nhà chồng, bà Ba (cô của Ngây) “móc thắt lưng bao, lấy ra một phong giấy đỏ, đưa cho cô dâu mà nói: Cháu về nhà chồng, cô chẳng có gì cho cháu. Đây cô có cái yếm rãi gọi là của thơm của cô” [8, tr.86]. Đó là những nét phong tục đã có từ ngàn đời của người Việt Nam. Những người thân thường dành dụm vốn liếng cho con cháu trước khi về nhà chồng với mong muốn sau này con cháu sẽ ăn nên làm ra. Ngoài ra còn có cảnh làng hội vào xuân, đám ma, lên đồng, những cách nuôi trẻ, nuôi người ốm, dạy con, chữa bệnh đuổi tà ma, đòi nợ, những tục ăn uống, kiêng kỵ.

*Quê người* xoay quanh hai cặp vợ chồng Hời và Ngây, Thoại và Bướm. Mở đầu tác phẩm là những ngày thơ mộng chôn thôn quê. Thuở ấy, cuộc sống thật êm đềm, những đêm trăng thanh, trai gái xóm Đuôi, xóm Giếng làng Nha tụ tập hát cho nhau nghe, nói với nhau những lời ý nhị, chân tình. Nhưng tình thế đổi thay thật nhanh chóng. Nếp sống thanh bình biến mất. Đói khát, cùng quẫn, tệ nạn đã khiến làng Nha trở nên tiêu điều. Những thành viên của làng Nha tồn tại một cách lay lắt trên quê mình mà ngỡ như đang phiêu bạt ở quê người. Tác phẩm vẽ ra một bức tranh phong tục hết sức phong phú của một vùng nông thôn ngoại thành Hà Nội ngày xưa: những hội hè đình đám với các trò vui: hát chèo, hát xẩm, leo cột mỡ, đi cầu nôi; những cách trai gái hẹn hò, họ gửi cho nhau những bức thư tình văn chương hoa mỹ mùi mẫn một cách rất quê mùa; những lời ăn mặc, trang điểm của người dân quê trong các dịp lễ Tết, cưới xin...; tục tảo hôn, chuyện đồng cốt, những cách chữa bệnh kỳ quái, thói nằm vạ, thói đặt vè bói xấu nhau, cảnh những người đàn bà đánh đá đi khắp làng chửi rửa có ngành có ngọn, có bài có bản; cảnh bắt nợ, trốn nợ đêm ba mươi Tết,... Tất cả được quan sát rất tỉ mỉ và diễn tả rất sinh động, hóm hỉnh.

*Đêm hai mốt. Đêm nay đám hội làng Thượng mới thực là đông ! Bởi là đêm nghỉ ngơi của tất cả những người làng theo về công nghệ làm lĩnh, làm lụa trong vùng Bưởi như làng Thượng, làng Nha, làng Sài, làng Bái. Từ buổi chiều, đi chợ lĩnh về qua làng Thượng, nghe trống đánh thòm thòm trong sân đình, Ngây đã thấy lòng hớn hở khắp khởi mừng. Không biết nàng mừng gì ? Được gặp người yêu hay được đi xem hát chèo ? Nàng chẳng rõ... Và lại, đám làng Thượng ban ngày chỉ có cồng sông, không rước sách gì, nên chẳng đợi để bố phải cấm, tự ý Ngây cũng không đi xem. Phần ấy để trẻ con. Như thằng Toàn thì phải biết.*

*Nó chạy nhông nhông suốt ngày trong đám. Xem leo cột mỡ, đi cầu nôi, xem hát xẩm, đánh xúc sắc và xem tát cả mọi người ta... Chèo diễn ra ở trong một cái cầu ngói ngay trước cửa đình... Trong ngày đám, những giáo, những mác, những côn, những thùng lưng, đình ba, những cái cờ ba góc bằng nan tre và tát cả một cái giá cắm những dụng cụ vào việc tuần phòng của các ông trương phiên, khán thủ đều được người ta bê lên bày trước sân đình... Người ta xem, thích mê, quên cả nóng [8, tr.17-26-28].*

Tục lệ cưới xin trong *Quê người* cũng được Tô Hoài dựng lại một cách chi tiết: "nào là tiền dẫn cưới, tiền lợn gà, dễ cưới một mình, không mời ai nữa phỏng? Chỉ biết đi ăn của người ta thôi ư?... Lại tiền may mặc cho cô dâu chú rể nữa. Trăm thứ tiền... Thừa chị, ngày mai thầy em cho em ra ở riêng, em có miếng trầu mời chị tối hôm nay lại chơi xoi nước với thầy em, với em. Nghe tiếng lợn kêu, bà con hàng xóm đến mỗi lúc một đông. Cỗ bàn vừa ăn xong thì sắp tới giờ nhà trai sang đón dâu. Trong nhà gái, dần dần có một không khí trang nghiêm. Ai nấy đều ăn vận tề chỉnh. Trẻ con cũng được chít khăn. Ngây và Lụa còn tíu tít đi lôi kéo, đón mời các cô bạn phù dâu... Cụ cầm hương đi cùng với mấy ông bà thuộc về những tay ăn nói sắc sảo bên nhà trai. Sau mới đến chú rể, các bạn phù rể và mấy cô đi đón dâu" [8, tr.81-82-84]. Cuộc sống của người thợ dệt trong *Quê người* sống êm đềm, với những đêm trăng thanh, trai gái tụ tập hát "Làng Thượng vào đám lệ, có hát chèo. Phần nhiều các nhà xung quanh mấy làng đấy, đều nghỉ dệt cửi tối mà kéo đi xem" [8, tr.94].

Tập *O chuột* với một lối văn dí dỏm, tinh quái đầy những phong vị màu sắc thôn quê. Tình yêu giữa Cu Lặc và Thị Hoa nảy nở như việc Lặc tông ngồng vót bèo hộ Hoa, rồi khi nên vợ nên chồng như cái tục lệ của

người văn minh, nhưng hai kẻ ấy lại phải xa nhau vì ăn khỏe: “Họ gặm gù với nhau ngay trong bữa ăn, họ đánh nhau, họ cắn nhau, rồi mỗi người một nơi. Song không thể còn yêu được nữa. Cái thói đánh nhau như đã thành tính và thành lệ” [20, tr.95].

Với *Cổ đại* (1944), một quãng đời thơ ấu của Tô Hoài được ghi lại qua nhân vật chính là Cu Bưởi. Cu Bưởi quê ở ngoại thành Hà Nội, vùng ven Nghĩa Đô. Một vùng quê sát gần Kẻ Chợ. Chỉ một thôi tàu điện leng keng là lọt vào quang sáng của thành phố, là ngập vào trong nhộn nhịp, náo nhiệt của đi lại, ăn chơi, bán mua. Thế nhưng vùng quê ấy vẫn cứ biệt lập trong một vẻ quanh hiu, và trong sự nguyên sơ của các thói tục, các nếp sinh hoạt như lưu lại ngày xưa. Cu Bưởi hiền lành, nhút nhát, chỉ thích quanh quẩn ở nhà. Thế mà bỗng phải rời quê, xa mẹ, xa ông bà ngoại, xa các dì để ra tỉnh - gọi là đi để học, để chờ xin học, nhưng thực chất là đi ở cho một người làng có cửa hiệu nhỏ. Bao là bồi hồi, ngơ ngẩn trong tâm trạng cậu bé lần đầu được ra thành phố! Và việc học chẳng thấy đâu, chỉ thấy cậu ngày ngày phải lo mấy việc: đánh đi đánh lại mãi mấy đôi giày cũ, cọ đi cọ lại cho thật sạch mấy cái chai, vắn ra vắn vào một cái lớp ô tô, rồi phụ bếp núc... Hết việc thì ngồi ở cửa ngóng ra phố xá mà nhớ nhà, để cuối năm áp Tết mới được bà ngoại đón về với cái đầu bị hắc lào mốc trắng, mà chẳng có hột chữ nào nhét vào bụng. Cuộc sống Kẻ Chợ những năm 20 đầu thế kỷ XX tuy náo nhiệt, nhưng lại quá buồn tẻ đối với cậu bé. Phải được về với mẹ, với các dì, và với việc cõng em - đó mới chính là niềm vui, là sự sống tự nhiên của cu Bưởi. Đó chính là hồi ức khó quên của thời thơ ấu về những ngày đi học trường làng thật khủng khiếp và hài hước: hơn hai mươi năm trời ra Hà Nội ở với người bạn thân của bố, tiếng là trợ học nhưng cả ngày quần quật làm đủ thứ việc của một chân giúp việc ở cửa hàng tạp hóa: dọn hàng, đánh giày, cọ chai, lau xe, rửa bát...

Qua *Cỏ dại*, Tô Hoài “đã vẽ lên được một bức tranh chân thực về một vùng quê ngoại thành Hà Nội. Đó là cảnh sống nghèo khó, khôn khổ, cùng cực, những phong tục tập quán cổ hủ với những tâm tình u uẩn của người thợ thủ công Nghĩa Đô trước Cách mạng” [26, tr.428].

Dur vị u buồn và mòn mỏi trong sinh đời sống vùng quê ngoại ô này còn được Tô Hoài tái hiện trong *Nhà nghèo, Xóm Giếng ngày xưa...* Và ba mươi lăm năm sau, *Cỏ dại* lại góp mặt trong bộ *Tự truyện* (1978) của Tô Hoài để làm nên một mảng sống đặc sắc.

Trở lại với những tác phẩm trước 1945 của Tô Hoài. Trong *Giăng thề*, với nhân vật chính là thầy giáo làng Nha tên Câu, trong những mối quan hệ chủ yếu với người đồng nghiệp là thầy giáo Hoạch và cô gái làng tên Mến, Tô Hoài kể qua những mảnh sinh hoạt thường nhật trong cuộc sống của các thầy giáo làng, từ chuyện ăn uống, dạy học trò, quan hệ với làng xã, đi hát ả đào, va chạm trong cuộc sống vợ chồng, và đặc biệt là tình yêu giữa Câu và Mến. Mỗi tình thâm lặng của hai người được tác giả quan sát từ những e ngại ban đầu, qua những khúc mắc vì ngờ vực, rồi đạt đến đỉnh điểm của hạnh phúc trong đêm trăng - khi mọi nghi ngờ được giải tỏa và họ trao lời hẹn ước dưới trăng. Nhưng những biến đổi của thời cuộc đã khiến cuộc sống của họ bị đảo lộn. Trường học bị dẹp bỏ, làng quê không còn kế sinh nhai. Mến lên tỉnh kiếm việc làm rồi ít lâu sau trở về làng Nha trong một đoàn hát, và tỏ ra không hề biết đến anh chàng thầy giáo từng cùng thề hẹn năm xưa. Lòng vào cốt truyện đó chúng ta có thể thấy sinh hoạt ả đào những năm đầu thế kỷ XX, thói mua chức tước trong làng xã xung quanh việc làm đình, tục thả thơ tiên đêm rằm tháng Bảy, và lễ hội mùa xuân. «Đằng cuối cánh đồng vùng trăng tròn vành vạnh, nhô lên. Hôm nay mười sáu. Bảy giờ ngày cùng chưa hết hẳn. Mặt trăng tròn, trăng nhạt. Tuy vậy, ánh trăng cũng đã lan mờ mờ mặt đất. Và

bóng hai người ngã xuống cỏ bên gò. Mến nói: Anh có thực lòng... yêu tôi không?... Có ông giảng kia làm chứng cho tôi hôm nay... Miến ngược mắt nhìn trăng. Mặt trăng nghiêm trang trên vòm trời bát ngát... Ánh trăng láy vào trong mắt. Đôi mắt Miến sáng ngời. Chút nước mắt nãy còn sót lại hai bên khóe. Miến mỉm cười liếc Câu. Trên cánh đồng bát ngát, ông trăng như tìm tìm với hai người» [7, tr.380-381].

*Nhà nghèo* họ thường cãi nhau vì những cơ rất nhỏ nhen, không có nghĩa. Cái đó cũng đã thành một thói quen. Lúc nào họ ngửa miệng, muốn to tiếng, là to tiếng liền. Vợ chồng cãi nhau chỉ vì vấn đề mấy đứa trẻ nhãi ăn không ngồi rồi đó. Con Gái nhón, đã biết nhiều lần cha mẹ cãi nhau, nó khóc thút thít. Thằng Cặng thì dắt thằng Chân, xúm lại xem. Bây giờ là đầu mùa hè khi có những trận mưa to người ta cũng kéo đi cả đàn cả lũ để bắt nhái và bắt chấu. Không hện, mà cha, con, chồng, vợ nhà Duyệt cũng gặp nhau trong cái đám đông đi bắt nhái bắt chấu này. Chị Duyệt thấy con Gái chưa về thì bảo anh Duyệt đi gọi nó xem. Anh Duyệt lội xuống bờ ao anh trông thấy cái Gái. Nhưng anh thấy cái Gái nằm gục trên cỏ, chân tay nó co queo lại, rồi nhắm hắt. Con bé giãy chết rồi. Cốt chuyện chỉ giản đơn xoay quanh những công việc sinh hoạt thường nhật nhưng ẩn trong đó là số phận của bé Gái trong cảnh *Nhà nghèo*. Nó sinh ra trong gia đình nghèo khổ, túng thiếu và nhiều lần chứng kiến cảnh cha mẹ cãi nhau. Nó bị rắn cắn chết trong khi cùng với cha mẹ cố tìm miếng ăn cho gia đình.

*Xóm Giếng ngày xưa* kể về nhân vật là một gã con trai, có nhiều khả năng nhưng chỉ vì nghèo mà gã không có sự nghiệp, cũng chỉ vì nghèo mà không lấy được người mình yêu. Gã không chán nản, gã vẫn tin gã sẽ về với Ly (cô người yêu), nhưng gã vẫn đói nghèo như cũ, còn Ly đi lấy một người khác và lâm bệnh mà chết. Các ý tưởng được tác giả viết dưới một bức thư



gửi Phượng một người bạn gái ở phương xa. Lá thư, nên tác giả xen kẽ đưa vào những ý tưởng thời cuộc và những khát vọng.

*Phượng ơi, truyện đòi chẳng bao giờ hết, mà cũng chẳng bao giờ có... Chắc Phượng đã đọc xong tập “Xóm Giếng” của tôi? Những hàng chữ này mà chậm tới tay Phượng một phần cũng vì tập truyện đó. Tôi chờ cho Phượng đọc xong, đọc thật kỹ đi. Để Phượng ngạc nhiên chứ. Không, không phải Phượng ngạc nhiên vì đã yêu tập truyện của tôi đâu. Chưa chắc, Phượng nhỉ... Phượng có chợt nhận ra một điều gì khác lạ bên cuốn chuyện tâm thương ấy không? Không chắc. Nhưng hẳn Phượng đã nhớ ra hai chữ “Xóm Giếng” quen quen kia rồi. Tôi muốn kể Phượng nghe câu chuyện cũ của cái Xóm Giếng xa xôi... Phượng ạ, cuốn tiểu thuyết “Xóm Giếng” của ngày xưa ấy, viết đến đoạn gặp gỡ nửa vời này thì tôi gấp lại thôi... Phượng hãy nhớ những đoạn truyện này khi Ly đến Hà Nội. Ấy là lúc cái tình trẻ thơ không đáng tội của hai đứa bị vỡ lở ra. Ly không thể ở quê nhà được nữa... [7, tr.412-414, 416, 426].*

Những bản khoản gửi gắm nhiều tâm sự của một lớp thanh niên sống trong bế tắc, muốn tìm một con đường sáng, tin vào một tương lai có thể giải phóng mình và giải phóng mọi người. “Phượng nhỉ, người ta ao ước lắm một trận mưa rào xuống cho lòng người hả hê và cho trời quang đãng. Những cái gì bực tức được gột bỏ. Trong khoảng mênh mông xanh nhớn kia, nhả một không khí tốt lành và tự do hơn. Trái đất chín nẫu này, quấy cựa dưới một cái mặt trời thui người đương chờ một trận mưa sung sướng” [7, tr.405].

*Vợ chồng trẻ con* câu chuyện xoay quanh một đám cưới của đôi “vợ chồng trẻ con” đó là cái Ngói và thằng cu Phúc. Một đám cưới mà cô dâu và chú rể còn đang ở tuổi còn quá nhỏ thế mà chúng đã nên vợ nên chồng. Người

ta không bao giờ nghĩ chúng còn non nớt quá. Người ta chỉ so tuổi thấy hợp là được. Trong *Vợ chồng trẻ con* tác giả miêu tả tỉ mỉ tục cưới xin. Từ việc đàm hỏi cho đến những thủ tục cần thiết để tiến hành một đám cưới đều được Tô Hoài quan sát, miêu tả một cách sắc sảo. Từ lúc người ta bắt đầu chế “cái Ngói là vợ thằng cu Phúc”. Nó chửi những đứa nói như thế. Cho đến lúc, nhà trai, nhà gái đều giết bò mổ lợn, mời bà con hàng xóm đến chung vui. Và bây giờ cái Ngói đã là vợ thằng cu Phúc. Tác giả đã đưa vào tác phẩm hàng loạt tập quán của người nông dân có liên quan đến việc cưới xin : tục dựng vợ gả chồng cho con cái theo quan niệm “cha mẹ đặt đâu con ngồi đó”, tục ăn uống chè chén trước ngày cưới, chọn giờ đón dâu, tục phù dâu, phù rể... « Hôm cưới, một người kếp xách đàn đi với cô dâu sang tận bên làng nhà gái, ngồi trước hương án, đàn hát-vừa hát thờ, và để các cụ bên ấy cùng nghe vui chung. Hai họ vui vầy tung bừng. Nhưng chỉ hai họ vui là vui những nổi ăn uống, đàn hát ấy, mà cô dâu và chú rể thì mỗi người lại vui, buồn ra một thể khác... Có gì đâu. Ấy là một thằng nhãi, vừa chẵn mười tuổi. Người ta quen gọi là cu Phúc... Vợ nó là cái Ngói. Cái Ngói mười hai tuổi. Không bao giờ ai lại có lúc nghĩ rằng chúng nó còn non nớt quá. Người ta chỉ biết so đôi tuổi hợp thế là có những người khăn đóng áo dài bung đến nhà cái Ngói một mâm chè mạn. Bắt đầu, người ta chế cái Ngói là vợ thằng cu Phúc. Nó chửi những đứa nói như thế. Rồi một hôm, nhà bỗng ồn ào những bà con xa gần. Người ta đi tậu bò, người ta đi mua lợn. Cái Ngói cũng theo mẹ, đi rửa và thái từng rổ lớn dưa cải. Ngày cưới đã đến. Họ nhà trai sang rước dâu được giờ lành, từ lúc gà gáy sang canh và trời chưa tan sương» [7, tr.265-266]. Những nghi lễ cho một đám cưới đã diễn tả đầy đủ những hủ tục của một quan niệm « cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy» vốn tồn tại trong dân gian.

### Tiểu kết

Có thể nói đi qua các mốc thời gian trước và sau Cách mạng tháng Tám 1945, Tô Hoài đã để lại một khối lượng tác phẩm đáng kiêu nể. Ở mảng đề tài nào, thể loại, nào nhà văn cũng có hướng đi riêng, tạo nên được phong cách độc đáo. Trong đó các tác phẩm trước Cách mạng tháng Tám của ông có một phong vị riêng, đánh dấu những thành công trong cuộc đời sáng tác của nhà văn Tô Hoài, giúp ông khẳng định được vị trí của mình trong nền văn học Việt Nam. Không chỉ thành công ở mảng đề tài viết về loài vật với những tác phẩm: *Đế Mèn phiêu lưu kí*, *O chuột*, *Đám cưới chuột...* tác phẩm của ông đã làm sống dậy những phong tục, tập quán ở khắp các vùng miền.

Chất phong tục có mặt trong hầu hết các sáng tác của ông giai đoạn trước 1945, và trở thành một trong những nhân tố làm nên nét riêng Tô Hoài. Giai đoạn tìm đường, định hình phong cách này của Tô Hoài là thời kỳ văn hóa văn chương Việt Nam bước vào thời kỳ chín muồi. Tình hình này vừa đem lại nhiều thuận lợi song cũng khiến việc khẳng định mình của Tô Hoài trở thành một cuộc vật lộn ngặt nghèo hơn. Giữa những bạn văn cùng khát khao thể hiện tài năng, cùng vật lộn trong cuộc mưu sinh; giữa cuộc cạnh tranh dân tộc đã đi vào chiều sâu,... để thành công rõ ràng Tô Hoài phải có những nỗ lực đặc biệt. Chủ đề phong tục, vì vậy, có thể giúp chúng ta nhận ra điều đó cũng như một vài phương diện khác trong sự nghiệp sáng tác của nhà văn độc đáo này.

## Chương 2

### NHỮNG MẢNG MÀU HIỆN THỰC TRONG BỨC TRANH PHONG TỤC MANG TÊN TÔ HOÀI TRƯỚC 1945

#### 2.1. Những phong tục được phục dựng trong sáng tác của Tô Hoài

Qua phần lược điểm các tác phẩm Tô Hoài viết về phong tục ở trên, có thể thấy nhà văn đã miêu tả sắc nét những phong tục truyền thống tốt đẹp và cả những hủ tục lạc hậu đã tồn tại lâu đời trong đời sống tinh thần của người dân Việt Nam. Qua những trang sách, người đọc có thể biết được những thói ăn mặc, vui chơi, giao tiếp, ứng xử, lễ nghi... Đó là những phong tục trong gia tộc, phong tục trong làng xã - xã hội.

Điểm về chủ đề phong tục trong sáng tác của Tô Hoài. Trước hết là những phong tục trong gia tộc. Tiêu biểu cho nội dung này là tác phẩm *Quê người*, đám cưới của Ngây và Hời diễn ra vô cùng nhộn nhịp, tưng bừng. Qua cách miêu tả của Tô Hoài, người đọc không chỉ được tường tận về đám cưới với trang phục truyền thống của cô dâu, chú rể mà còn thấy được không khí phấn khởi, hồ hởi của đám rước dâu. Lúc đưa dâu, trước khi tiễn cháu gái về nhà chồng, bà Ba (cô của Ngây) “móc thắt lưng bao lấy ra mét phong giấy đỏ tặng cho Ngây” [8, tr.86]. Từ nhiều đời, một trong những nghi lễ trưởng thành là cha mẹ, người thân dành dụm vốn liếng cho con cháu trước khi về nhà chồng với mong muốn sau này con cháu mình sẽ có của ăn của để. Vốn hiểu biết phong phú về làng quê, một năng lực quan sát nhạy bén, tinh tế, một óc phân tích khách quan, chân thực đằng sau bức tranh phong tục ấy là hiện thực của đời sống

Bên cạnh đó dưới góc nhìn khách quan, Tô Hoài đã cho độc giả thấy được những hủ tục lạc hậu, ấu trĩ vẫn còn tồn tại trong đời sống của con

người, ăn sâu trong gia tộc. *Quê người*, Lua là cô gái vừa mới mười tám đôi mươi tràn trề sức sống lại bị cha mẹ đồng ý gả cho thằng Toàn. “Thằng Toàn mười bốn, cái Lua hơn Toàn đúng năm tuổi nhưng nếu Ngây về nhà chồng thì ở nhà cần người làm lắm. Cưới là cưới người về làm đầy chứ. Đến đầu tháng mười này thì cưới. Thịn choáng người, cơ hồ như có ai giội cả một chậu nước lạnh vào cổ... Thằng Toàn bé bằng cái nhép ranh mà em cũng bằng lòng à... Thưa anh, chỉ vì thầy u em bắt buộc” [8, tr.73-74]. Còn Bướm bị ép gả cho gia đình khá giả để trả món nợ lớn cho gia đình. “Không được. Tao đã nhận lời một đám rồi. Nơi này danh giá lắm, con ông phó Nguyễn ở xóm dưới. Thôi từ mai ở nhà không được lên Nha nữa, sang giêng người ta đã xin cưới đầy... Bị thúc nợ nhiều, mẹ Bướm thú thực ý định của mình với lão phó. May mà lão bằng lòng. Và con lão thì thích mê, bởi vì Bướm đẹp và sắc sảo nhất hàng xã, lấy nó, như lấy được tiên trên trời. Thầy mẹ Bướm mừng hí hửng... Bướm khóc suốt đêm” [8, tr.54-55]. Mọi người trong nhà đều hí hửng cho đám cưới của Bướm, nhưng Bướm thì ngược lại, cô đau đớn vì tình duyên bị ép gả. Cuối cùng, Bướm đã bỏ trốn để đi theo tiếng gọi của tình yêu. “Một đêm, Bướm bỏ nhà trốn đi. Nàng quên cả. Mặc mẹ. Mặc bố. Mặc anh. Nàng lên Hạ Nha với ái tình” [8, tr.56].

Nạn tảo hôn còn được Tô Hoài tái hiện trong truyện ngắn *Vợ chồng trẻ con* “Áy là một thằng nhãi, vừa chẵn mười tuổi. Người quen vẫn gọi là cu Phúc... Vợ nó là cái Ngói. Cái Ngói mười hai tuổi. Không bao giờ ai lại có lúc nghĩ rằng chúng nó còn non nớt quá. Người ta chỉ biết so đôi tuổi hợp thế là có những người khăn đóng áo dài bụng đến nhà cái Ngói một mâm chè mạn” [7, tr.266]. Tuy là tảo hôn nhưng đám cưới “giết bò, giết lợn và ăn uống linh đình”. Ngày đón dâu “chú rể Phúc len lỏi trong đám bạn, cười rúc rích” còn cô dâu trong “đêm động phòng” thì đòi bằng được các bạn phải ở lại ngủ

chung với mình. “Vì nếu các cô kia mà về thì cô dâu cũng nhất định vừa khóc vừa chạy theo, ai can cũng chẳng nổi. Các bạn phù dâu ngủ chung giường với cô dâu trong đêm đầu tiên về nhà chồng” [7, tr.267].

Vấn cái nhìn hài hước, hóm hỉnh từ tình huống phong tục tảo hôn ấy, ngòi bút của Tô Hoài chuyển cảnh rất khéo sang tình huống hội làng. “Ngày lại ngày qua, mùa đông nghiêng đi cho mùa xuân về”. Đôi “Vợ chồng trẻ con” cu Phúc - cái Ngói theo tục lệ làng cũng đi chơi đám và về thăm “ông bà nhạc”.

Với cách nhìn của Tô Hoài, nạn nhân của hủ tục tảo hôn là những bậc cha mẹ, hoặc gia trưởng trong học tộc thiếu hiểu biết, thiếu trách nhiệm với con cái. Đúng hơn là họ bị các hủ tục, lề thói ràng buộc, kìm hãm khiến họ phải theo cho dù họ muốn hay không muốn. Còn những đứa trẻ, chúng nên vợ nên chồng là do sự sắp đặt của hai bên gia đình. Trước những mặt trái của cuộc sống đời thường cái nhìn của Tô Hoài tinh quái nhưng giàu chất nhân văn, giọng điệu dí dỏm nhưng có cái gì xót xa. Nhà văn không thể làm ngơ trước những thói tục, hủ tục của người dân quê: tục tảo hôn, tục đòi nợ, vợ chồng đánh chửi lẫn nhau. Chuyện hôn nhân là chuyện hệ trọng cả đời, nhưng dường như với cái Ngói và cu Phúc còn quá non nớt để hiểu rõ điều đó. Đám cưới, cô dâu nào cũng vừa vui vừa buồn nhưng không đến mức sợ hãi, khóc như cái Ngói. Nó khóc um lên, tiếng khóc ấy không phải của một người con trưởng thành, khóc ngậm ngùi từ nay xa cha mẹ, bước chân về nhà chồng, mọi thứ đều xa lạ. Đó là tiếng khóc của một đứa trẻ khi không bằng lòng hoặc âm ức một việc gì đó. Khác với cái Ngói, cu Phúc còn ngây thơ hồn nhiên hơn. Nó nằm trong đồng rơm khi mọi người tất tả chuẩn bị đám cưới. Với cu Phúc chuyện lấy vợ dường như là xa lạ.

Tô Hoài không chỉ phục dựng lại những phong tục, hủ tục trong gia tộc mà trong làng xã - xã hội cũng có những mỹ tục và hủ tục được nhà văn nói đến.

Trong tác phẩm *Quê người* xảy ra chuyện khi thằng Toàn lên cơn sốt. Xóm làng đổ xô đến để xem tình hình của Toàn. Họ còn nhiệt tình chỉ cho gia chủ cách chữa trị. Ông Ba Cấn chỉ cho bài thuốc được đúc kết từ những kinh nghiệm dân gian: “Trời trở tiết, nó cảm nắng đấy. Để quá, nó nhập tâm thì hỏng. Ông tìm đâu lấy nắm lá ngải cứu khô, sắc cho nó uống một ấm như uống nước vôi, là khác bệnh sốt lui rầm rầm... Cái lá ngải cứu của ta là bách bệnh tiêu trừ. Tài lắm! Nhà nào cũng nên trữ một ít” [8, tr.122].

Ở phương diện xã hội - làng xã. Tô Hoài không chỉ khai thác ở những khía cạnh đời thường mà ông còn khai thác cả mặt bên trong của nhân phẩm đạo đức. Giá trị nhân văn trong thế giới nhân vật của ông mang một nét đẹp văn hóa truyền thống. Họ không chỉ chịu khó trong công việc hay giản dị trong sinh hoạt mà còn rất đổi nhân hậu nghĩa tình. Trong cảnh nghèo nàn mà người ta vẫn sống có tình có nghĩa. Đây chính là cách cư xử thấm đượm tình người, một nét văn hóa truyền thống tốt đẹp không chỉ có riêng ở vùng quê Tô Hoài mà còn hiển hiện trong đời sống tinh thần trên tất cả các vùng quê ở nông thôn Việt Nam. Tình làng nghĩa xóm còn được thể hiện qua nhân vật Ngây trong tác phẩm *Quê người*. Trước cảnh bão bệnh của con mà không có tiền mua thuốc, Bướm đã tìm đến bạn của mình là Ngây, Ngây không khá hơn Bướm và gia đình Ngây còn phải lo một khoản để trả nợ. Nhưng Ngây đã không toan tính khi Bướm hỏi vay tiền, cô đã giúp bạn: “Ngây lặn vào trong túi: Em chỉ còn có bốn xu. Bốn xu cũng mua được hai lá thuốc đấy. Chị cầm tạm vậy” [8, tr.154].

Khi viết về phong tục, Tô Hoài thường đặc biệt chú ý đến các lễ hội văn hóa đậm dấu ấn dân tộc. Những cảnh hội hè đình đám được nhà văn miêu

tả chi tiết và hấp dẫn trong các tác phẩm của mình. Khi làng quê vào mùa lễ hội, không khí vừa trang nghiêm vừa náo nức. Những khung cửa ngừng dật. Người già, người trẻ, trai, gái, trong làng nô nức đi xem hội. Trong âm thanh của tiếng trống rộn rã, hòa cùng tiết trời xuân ấm áp, mọi người như quên đi cảnh sống vất vả hàng ngày. Con người hân hoan, náo nức hòa nhịp cùng không khí rộn ràng, vui tươi của mùa lễ hội.

Trong *Quê người*, Tô Hoài đã dựng lên một mảng màu văn hóa trong bức tranh phong tục ở vùng quê ngoại thành Hà Nội. Cụ thể, đó là cảnh tượng huyên náo, rộn rã tiếng trống, tiếng nói cười của dân làng trong suốt mùa lễ hội: “Trước cửa đình làng Thượng, ánh sáng những đèn dầu, đèn đất, những đóm đuốc hồng rực lên, từ tam quan trở vào. Tiếng trống, tiếng mõ, tiếng thanh la, nạo bạt, tiếng cười xôn xao, ồn ồn, không thể phân biệt được. Rõ ra đám hội đương đông” [8, tr.20].

Trong làng xã, xã hội những phong tục như tục xem tuổi, thách cưới cũng được Tô Hoài dựng lại một cách tỉ mỉ trong tác phẩm *Quê người*. “Bởi vì ông Nhiêu ngỏ ý muốn cho cưới ngay. Ông thách một thúng gạo nếp, một thúng gạo tẻ, một con lợn và hai mươi đồng bạc mặt. Phần nhà trai phải sắm sửa cho cô dâu. Ông Nhượng cũng bảo nên cưới năm nay. Ông đã so đôi tuổi, và mở sách ra xem Ngây lầy Hời hợp lắm... Cổ nhân nói chẳng câu nào bỏ đi. Cưới vợ thì cưới liền tay, chớ để lâu ngày lắm kẻ dèm pha” [8, tr.70].

Phong tục đều gắn với tính cộng đồng làng xã. Hôn nhân xưa không chỉ là nhu cầu đôi lứa mà còn phải đáp ứng quyền lợi của gia tộc, gia đình, làng xã, nên kén người rất kỹ, chọn ngày lành tháng tốt, trải qua nhiều lễ từ giạm ngõ, ăn hỏi, đón dâu đến tơ hồng, hợp cẩn, lại mặt, và phải nộp cheo để chính thức được thừa nhận là thành viên của làng xóm.



Đời sống cộng đồng làng xã này cũng được Tô Hoài khảo nghiệm và khắc họa qua những hủ tục, những thói quen mê tín dị đoan. Đó là những chuyện ma quái, những vong hồn bà cô, ông mãnh hay trêu chọc những đứa trẻ nhỏ mới sinh trong đêm hôm.

*Chém vỡ cái bóng đèn xong, anh Hời xách dao nháy ngay ra đầu ngõ. Dao trong tay, anh chém lia lịa, ngang dọc, vào những bụi cúc bụi tần... và anh chửi rủa. Cha tiên nhân mày! Dám trêu vào tay ông à! Đã vỡ đầu ra chưa! Bận sau mà còn bèn mắng đến trêu con ông thì toi mạng sớm,... Ông Nhượng vừa vào đến sân cất tiếng hỏi: Thế nào, tối hôm qua thằng cu có còn khóc không... À thế à mai khỏi hẳn khóc. Cái đấy hay lắm đấy... Cái giống ma cỏ trêu trẻ con mới đẻ cứ hay ám vào ngọn đèn. Bao giờ, tối tắm ẵm trẻ, thấy ngọn đèn xanh lờ, rung đi như sắp tắt mà không tắt, là đích thị nó. Cứ chém luôn một cái vỡ đầu nó ra là nó ketch... Bệnh này là bệnh sài khóc. Bệnh sài khóc thì có đến mười ông lang chính tổng chữa thuốc trẻ con cũng khoanh tay, lắc đầu. Bệnh sài khóc phải chữa thế mới đúng mẹo. Rồi cứ nghiệm mà xem [8, tr.141-142].*

Những hủ tục lạc hậu trên ngấm sâu vào đời sống tinh thần của người dân khiến cho bao gia đình điêu đứng, bao số phận đi vào con đường cùng. Hơn thế, từ góc nhìn của Tô Hoài, chúng còn hiện diện như một phần đời cố hữu của những người dân quê, hay dân nghèo thành thị. Sức nặng hay sự ám ảnh của hình ảnh văn chương chính là ở đó. Đồng thời, Tô Hoài cũng nhìn thấy ở các nhân vật của mình sự đan xen những phẩm chất đáng quý với những thói hư tật xấu, những hủ tục không phù hợp đó đã khiến đời sống của họ thêm tăm tối. Có lẽ ông đã nhận ra rằng, chính sự hiểu biết hạn hẹp ấy là một trong những nguyên nhân khiến cuộc sống của người dân trở nên nghèo

đói, tù túng. Họ không chỉ vất vả, cay đắng vì những áp bức, bất công mà còn chịu biết bao nhiêu sự hà khắc, trói buộc của những hủ lệ nghiệt ngã kéo dài từ bao đời.

Trước Cách mạng tháng Tám, Tô Hoài đã có khi bế tắc trước cuộc đời nhưng cuối cùng nhà văn vẫn đứng vững ở vị trí của một nhà văn hiện thực. Tâm hồn của Tô Hoài bao giờ cũng có được vẻ đẹp trong sáng, đáng trân trọng trong cảnh đời đen tối thời kì này. Ở đề tài nào và đối tượng khám phá nào, thế giới nghệ thuật của Tô Hoài trước cách mạng đều thấm đượm tính nhân văn và mang dấu ấn khá sâu đậm về một quãng đời của ông. Ông quan niệm: “Những sáng tác của tôi đều miêu tả tâm trạng tôi, gia đình tôi, làng tôi, mọi cái của mình quanh mình. Những nghèo đói, cùng túng, đau đớn. Phần nào nhẹ nhàng hay xót xa, hay nghịch ngợm và đá chút khinh bạc là phần nào con người và tư tưởng tiêu tư sản của tôi” (*Một quãng đường*). Ông không làm ngơ trước những thói tật của con người mà thường bộc lộ những trần trụi xót xa trước những thói tật đó. Dưới góc nhìn khách quan, Tô Hoài đã cho độc giả thấy được những hủ tục lạc hậu vẫn còn tồn tại trong đời sống của con người, đặc biệt là ở các vùng quê.

Có thể nói những phong tục, hủ tục được Tô Hoài nhắc đến trong sáng tác của mình như một kho tư liệu quý báu để lớp lớp người sau biết đến. Tục hay có tục dở có, mỗi nét sinh hoạt và phong tục tập quán đều được hình thành trong lao động. Những phong tục trong gia tộc là ý thức về cội rễ ngọn nguồn, đạo lý làm con. Tình cảm của người thân trong gia tộc luôn mong muốn những điều tốt đẹp cho con cháu khi đi xây dựng gia đình. Không chỉ có những mỹ tục trong gia tộc mà những hủ tục lạc hậu ăn sâu bám rễ trong mọi gia đình: Nạn tảo hôn, tục ép duyên. Mỗi phong tục tập quán đều được Tô Hoài tạo dựng khá ấn tượng.

Điều thú vị trong sáng tác của Tô Hoài là ở chỗ, ông không chỉ miêu tả phong tục tập quán của con người mà còn khám phá cả thói tục của thế giới loài vật. Điều đó chứng tỏ Tô Hoài có khả năng quan sát tinh tế và nhạy cảm nắm bắt được mọi biến thái tinh vi của vạn vật. Dế Mèn sau khi sinh ra được sống trong vòng tay âu yếm của mẹ được có hai hôm, đến hôm thứ ba theo mẹ vào một cái hang được đào sẵn để “sống độc lập”, bởi lẽ đó là thói tục lâu đời của họ nhà Dế.

*Tôi sống độc lập từ thừa bé. Ấy là tục lệ lâu đời trong họ dế chúng tôi. Và lại, mẹ thường bảo chúng tôi rằng:*

*Phải như thế, để các con biết kiếm ăn một mình cho quen đi. Con cái mà cứ nhong nhóng ăn bám vào bố mẹ thì chỉ sinh ra tính ỷ lại, xấu lắm, rồi ra đời không làm nên trò trống gì đâu”. Bởi thế, lứa nào sinh ra cũng vậy, đẻ xong là mẹ tôi nghĩ ngay đến việc thu xếp cho con cái ra ở riêng... Tôi cũng không buồn. Trái lại, còn lấy làm khoan khoái vì được ở một mình nơi thoáng đãng, mát mẻ... Từ đây tôi bắt đầu vào cuộc đời của tôi. Cho dù tôi sẽ sung sướng hay khổ sở, cái đó tùy ở như tính tình tôi khôn ngoan hoặc đần độn. Song tôi chưa cần biết đến thế, tính đến thế. Mà hãy lấy sự được ung dung độc lập một mình là điều thích lắm rồi [7, tr.53-54]... Non sông và phong tục, mỗi nơi mỗi lạ, mỗi bước rời chân mỗi thấy tuyệt vời. Nhìn không biết chán. Mọi chẳng muốn dừng. Bạn đọc yêu quý, thật có đi có trái [7, tr.86].*

Nhiều khi bức tranh phong tục con người được nhà văn khéo léo, dí dỏm thể hiện qua những đối thoại sinh động của thế giới loài vật, chẳng hạn:

*Anh tôi nói mát:*

*- Chả dám ! Chú còn nhớ phép lịch sự đến thăm anh. Xin  
chả dám.*

*Tôi đáp:*

- *Thứ anh, đi đâu thì em vẫn nhớ anh em ta cùng lứa mẹ sinh ra.*

*Anh cười nhạt:*

- *Hừ, chú bảo chú nhớ anh mà chú lại vào nhà thờ hai trước khi đến đây, thế thì phỏng thử chú coi gia giáo nhà ta là cái gì, đuôi lợn lên đầu hủ ?*

*Thế ra anh giận tôi đã quên tôn ti thứ bậc. Thảo nào, mặt anh nặng như cái bị. Tôi định cãi lại một câu...*

- *Thưa anh, em cũng biết thế, nhưng vì anh hai đau yếu, lại tiện em đi qua nhà, thấy nên vào thăm anh ấy trước. Thế đấy chắc anh đã vui lòng rồi [7, tr.81-82].*

- *... Đi không kiếm được miếng ngon thì chỉ đi mỗi chân, có động dại mới đi như thế. Đi lang thang thất thểu thì ai ở nhà trông nom phần mộ tổ tiên, ai đèn hương cúng giỗ các cụ ? Thời bây giờ đưa nào cũng nóng lên đi với đi ! Quân bắt mục bắt hiểu là chú, chú biết không? [7, tr.82]*

Ẩn dưới lời đối đáp của loài vật là những câu chuyện của đời sống con người. Đó là kiêu đề cao tôn ti trật tự, thứ bậc trên dưới mà thi thoảng được Tô Hoài miêu tả với thái độ phê phán kín đáo. Chú dê mèn kia chính là hình ảnh của một con người phóng khoáng đã dám vượt lên trên lễ giáo. Không quá lệ thuộc, gò mình vào khuôn khổ lễ giáo gia phong mòn cũ. Cũng trong *Dé Mèn phiêu lưu kí* không chỉ đơn giản là việc quan sát và kể lại những cuộc phiêu lưu lý thú, đầy sóng gió của chàng Dé Mèn. Trong tác phẩm này chúng ta còn bắt gặp sự tích hội thi võ:

*Nguyên ở vùng cỏ, hàng năm, đến mùa hoa may chín trắng bạc khắp miền thì có hội lệ. Năm ngoái, cụ Bọ Ngựa già ốm yếu đã khuất núi. Năm nay, dân cả vùng, nhân hội hoa may, mở luôn hội thi võ kén ai tài giỏi nhất để đứng ra coi sóc việc chung trong vùng. Đó cũng là phong tục lâu năm của miền cỏ may... Những hôm đầu là đấu loại. Nhiều anh Châu Chấu vừa nứt mắt đã băng nhặng lên đài. Ngựa non háu đá, những gã nông nghênh đó thật ra chưa có nổi ba hột sức. Mới tự chân mình đá ra mấy cái cũng đã run rẩy cả người rồi đứng thở hồng hộc. Vì thế chỉ có các anh ấy tưởng võ mình là tuyệt vời, còn khách xem thì thấy cuộc đấu loạc choạc, ngáy, họ đi chơi hội hơn là đi xem thi võ. Mấy ngày sau, võ đài mới bắt đầu rầm rộ. Bởi vì những tay võ kém đã bị lọc hết. Bao nhiêu cậu ti toe đều đã bạt xuống chân đài cả rồi. Chỉ còn lại có hai tay cứng vào đấu vòng cuối là Bọ Muồm và Bọ Ngựa [7, tr.104].*

Qua thuật tả tài tình của nhà văn, hình ảnh lễ hội truyền thống của vùng quê đồng bằng Bắc bộ được hiện lên sinh động với cuộc tỉ thí giữa các võ sĩ. Có tâm trạng nôn nóng của mấy gã «ngựa non háu đá», có sự hiếu kỳ của những kẻ đi chơi hội hơn là đi xem thi võ...Chuyện của mấy chú dê mèn nhưng có sức tái hiện phong tục của một miền quê.

Thế giới loài vật trong cảm quan của Tô Hoài sinh động, ngộ nghĩnh, có thế giới nội tâm, có số phận, có cả phẩm chất và cá tính cùng thói tật như con người. Bên cạnh đó, mỗi loài vật có một thói tục riêng, phù hợp với chủng loài của chúng. Đọc *Dế Mèn phiêu lưu ký* người ta dễ nhận ra phong tục của loài dế: thích sống độc lập, làm hang ở những nơi thoáng mát, ngay cạnh gân hồ, đầm, ao nước và thích ăn những ngọn cỏ non. Mỗi loài, Tô Hoài đều tìm ra những nếp sinh hoạt riêng của chúng, khiến người đọc không thể

nhằm lẫn giữa phong tục sống của loài này với tập quán sinh hoạt của loài khác. Cách sống của những loài chuồn chuồn khác với cánh sống của loài bướm, loài ong, khác với bất kỳ một loài vật nào hay bay lượn trên không. Ngay cả những con vật có họ hàng gần gũi với nhau như : cóc, ếch, nhái...mỗi loại vẫn có phong tục sống riêng. Tất cả đã làm nên bức tranh sinh động về thế giới loài vật trong tác phẩm Tô Hoài.

Phong tục trong làng quê, xã hội như tục xem tuổi, tục cưới hỏi, thách cưới, phong tục trong lễ hội. Những hủ tục trong làng xã vẫn còn tồn tại trong đời sống của con người, chủ yếu ở các làng quê. Tục mê tín dị đoan, lệ khao làng. Qua những trang văn về phong tục và phần nào phản ánh được đặc trưng văn hóa của một vùng quê, đã khơi dậy trong lòng người đọc tình yêu, niềm tự hào đối với những truyền thống tốt đẹp đó. Nhận xét về đặc điểm này của Tô Hoài nhà nghiên cứu văn học Niculin đã viết “Những truyện trong đó đã tái hiện thật chính xác gần như có tính chất dân tộc học, thô tục học khi dựng lại mọi phong tục tập quán, lề lối sinh hoạt của nông thôn Việt Nam cổ” [11, tr.158]. Ở đâu đó, có tiếng trống chèo, tiếng trống hội làng rộn rã, náo nức; có tiếng khóc của cô dâu nhỏ tuổi mới về nhà chồng; có tiếng rì rào bàn tán của những người đi làm đồng trở về... Những chi tiết về phong tục làm cho các câu chuyện của nhà văn dường như có sự gắn kết với nhau mặc dù mỗi chuyện đều viết về những nhân vật và cuộc đời khác nhau. Trong tâm tưởng của độc giả, âm thanh của làng quê vẫn còn đọng mãi.

## **2.2. Nghệ thuật phục dựng phong tục của Tô Hoài**

Tìm hiểu sáng tác của Tô Hoài, nhà nghiên cứu Phan Cự Đệ nhận xét: “Tô Hoài có một khả năng quan sát đặc biệt, rất thông minh, hóm hỉnh và tinh tế. Khả năng này giúp anh thành công khi miêu tả những hiện tượng bên

ngoài, dễ trực tiếp quan sát và cảm thụ; cảnh vật thiên nhiên, sinh hoạt hàng ngày, phong tục lễ nghi, thế giới loài vật v.v...” [26, tr.98]. Còn Trần Hữu Tá lại chỉ rõ năng lực đặc biệt của Tô Hoài chính là “Nhãn quan phong tục đặc biệt nhạy bén, sắc sảo” [26, tr.160]. Cá nhân tác giả, trong cuốn *Một số kinh nghiệm viết văn của tôi* thì chia sẻ: “Quan sát và ghi chép đi liền với lối sống cần thiết của người viết văn... Quan sát giỏi là phải thấy ra nét chính, thấy được đặc tính riêng, móc được những góc ngách của sự việc, của vấn đề” [14, tr.11-12]. Tuy nhiên, ngoài năng lực quan sát, tâm hồn nhạy cảm, khả năng am tường đời sống, phong tục, Tô Hoài đã sử dụng thành công một số yếu tố nghệ thuật độc đáo, hấp dẫn để phục dựng phong tục như: xây dựng cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ đối thoại, ngôn ngữ trần thuật, miêu tả.

### **2.2.1. Phong tục lồng trong cốt truyện**

Dùng nhãn quan phong tục để khám phá đời sống xã hội và con người, nhà văn phải cần đến những thủ pháp nghệ thuật. Trong sáng tác của Tô Hoài, nhãn quan phong tục gắn liền với cách nhìn đời sống tác động đến các phương diện nghệ thuật, trong đó có cốt truyện. Tô Hoài không hấp dẫn độc giả bằng các thủ pháp mới lạ trong nghệ thuật kết cấu tác phẩm. Nhà văn cứ để dòng đời trên trang sách trôi chảy tự nhiên, nhiều khi khá lặng lẽ, với nhiều quãng dừng, mạch rẽ ở những chỗ miêu tả sinh hoạt, phong tục thiên nhiên. Mạch truyện vì vậy thường chậm, ít có những chỗ được đẩy tới căng thẳng, những cao trào. Người kể chuyện trong truyện của Tô Hoài cứ nhàn nhả, bình thản mà kể, mà tả. Nhịp điệu chậm trong tiểu thuyết của Tô Hoài theo cùng với tác giả trên hành trình của dòng đời và nhân vật. Bạn đọc đến với tiểu thuyết Tô Hoài là đến được với những pho bách khoa thư về đời sống, cả hiện tại và xa xưa, ở nhiều vùng từ gần gũi đến xa xôi.

Ở *Quê người* cốt truyện ít biến cố sự kiện. Nhà văn dựng lên khá sinh động cuộc sống của một làng quê. Một làng quê với những phong tục truyền thống đang sa sút và tàn lụi dần. Tô Hoài không dẫn cốt truyện vào mạch xung đột căng thẳng giữa hai thế lực đối lập. Không có cảnh cùm kẹp đánh đập người nghèo khổ ở sân đình. Trăng vẫn sáng đẹp trong những đêm hội chèo và trai gái náo nức trong những cuộc vui hò hẹn... *Quê người* là cuốn tiểu thuyết đầu tay, nhưng đã bộc lộ khá rõ cái riêng của tác giả, những đặc điểm của cây bút văn xuôi Tô Hoài. Không có những biến cố lớn lao, xung đột xã hội gay gắt, cả truyện chỉ là những cảnh sống diễn ra thường ngày ở một vùng quê ven thành có nghề thủ công. Có chuyện làm ăn, đám cưới, đám giỗ, cảnh hội hè, đình đám, có đủ cả buồn vui, yêu đương, sum họp, chia lìa. Trên cái nền cảnh của cuộc sống đời thường ấy, là câu chuyện của mấy gia đình và hai đôi nam nữ: Hời - Ngây, Thoại - Bướm. Tô Hoài đã quan sát, tìm hiểu và miêu tả những phong tục truyền thống giống như những gì vốn có.

Rồi đến *Vợ chồng trẻ con*, người đọc không thấy ở tác phẩm có sự kiện biến cố gì đáng kể. Toàn bộ tác phẩm miêu tả một đám cưới tảo hôn của hai đứa trẻ cùng những biểu hiện còn hết sức trẻ con. Tình huống xây dựng cốt truyện như vậy còn có thể bắt gặp trong một số tác phẩm khác của Tô Hoài, như: *Mùa ăn chơi*, *Khách nợ*...

### **2.2.2. Xây dựng nhân vật**

Bên cạnh cốt truyện, nhân vật cũng là một phương diện rất quan trọng của nghệ thuật tự sự. Nhưng dường như để tương ứng thành một thể thống nhất với kiểu cốt truyện nói trên, Tô Hoài cũng đặt nhân vật trong môi trường tự nhiên, như cuộc đời thực.

Trước Cách mạng, Tô Hoài viết nhiều về vùng quê ngoại của mình - làng Nghĩa Đô với các khu vực lân cận như Bưởi, Trích Sài, Thụy Khuê,



Võng Thị... Những đường thôn ngõ xóm, những căn nhà đơn sơ luôn vắng ra tiếng khung cửi lách cách, những “tàu seo” róc rách nước đêm khuya, những cánh đồng ruộng, những mảnh vườn đủ thứ cây quả của một làng quê nghèo. Nơi đó là không gian sinh tồn của thế giới nhân vật Tô Hoài: những người nông dân, người thợ thủ công hoặc nông dân pha thợ thủ công, vừa làm ruộng vừa dệt lụa và dệt lĩnh. Ông còn miêu tả một thế giới những loài vật bé nhỏ với sự phong phú của tính cách, số phận và tâm trạng. Thông qua thế giới loài vật ấy, nhà văn muốn hướng tới những phận người, như qua đôi chim ri đá, ông thấy cả “hình bóng của một thứ người cù rù nhưng nhẫn nại, lam lũ và luôn chân lấm tay bùn - thứ người cần lao của đồng ruộng”. Chúng “ăn ở dè dặt, bình lặng, chịu khó, ôn ã. Cuộc đời trôi chảy âm thầm dưới khu lá xanh, y như cuộc đời của những người Nghĩa Đô, cần cù và nghèo khó trên cái khung cửi, trong bốn luỹ tre già” (*Đôi ri đá* - truyện ngắn).

Vợ chồng cụ Phúc và cái Ngói trong *Vợ chồng trẻ con* là những nhân vật được đặt trong môi trường tự nhiên như thế. Đến khi đến đón dâu chú rể Phúc vẫn được đặt trong môi trường sinh hoạt tự nhiên như thế “Chú rể Phúc thì len lỏi trong đám bạn cười rúc rích... “còn cái Ngói trong ngày cưới khóc um lên”. Cả hai nhân vật đều được miêu tả với tất cả vẻ tự nhiên của lứa tuổi trẻ con trong đám cưới tảo hôn. Đến *Quê người* cũng vậy, hầu hết các nhân vật đều được đặt trong môi trường sinh hoạt tập tục, quan hệ làng xã hết sức tự nhiên như cuộc đời thực. Đó là Hời trong những đêm trăng đánh đàn chơi cùng bạn bè rồi đi gặp người yêu hết sức thơ mộng. Các nhân vật trong *Mùa ăn chơi*, *Nhà nghèo*... cũng được nhà văn xây dựng theo cách đó.

### **2.2.3. Các lớp ngôn từ**

Trong nghệ thuật xây dựng nhân vật, ngoài miêu tả nhân vật trong sinh hoạt phong tục, quan hệ làng xã như đời thực Tô Hoài còn để cho lời ăn tiếng

nói của các nhân vật luôn gắn với sinh hoạt phong tục , hoặc sát với đời sống sinh hoạt. Ngôn ngữ và giọng điệu giàu tính khẩu ngữ. Nhà văn có ý thức sử dụng lời ăn tiếng nói hàng ngày của quần chúng. Các từ thông tục hàng ngày: đánh bỏ mẹ, sợ đêch gì, ngượng chớ gì... hoặc từ chỉ nghề nghiệp mà người dân thường gọi: vầy tơ, hò cửi, hò cháo... Các thành ngữ, tục ngữ: gàn mũi xa mồm, gà sông nuôi con, ngậm đắng nuốt cay, túng thì ăn vụng đói làm càn... Hệ thống từ ngữ bình dân xuất hiện đậm đặc trong sáng tác của Tô Hoài là từ ngữ nghề nghiệp, từ ngữ phong tục và những thành ngữ tục ngữ. Lời ăn tiếng nói của dân chúng đưa vào trang sách của Tô Hoài được chắt lọc và nâng lên thành ngôn ngữ nghệ thuật. Do vậy ngôn ngữ thông tục lại mang giá trị thẩm mỹ đặc biệt, bởi chúng góp phần lột tả chính xác và sinh động tính cách nhân vật hoặc cảnh huống hành động của nhân vật. *Quê người* ghi lại cuộc sống, phong tục của những người ở thôn quê Nghĩa Đô. Bằng giọng văn hóm hỉnh, tác giả thể hiện những tập tục lạc hậu như chửi rao. Ta thấy thái độ của bà Ba khi chửi rao về việc đưa nào đặt về nói xấu cháu bà: Bà chửi trôi chảy rõ ràng khiến cho người nghe cũng thấy hay hay. “Kể bà chửi cũng hay thực, hôm nay, có nhiều bà và nhiều cô gái cố gắng nghe học lỏm lấy những câu học hiêm để hòng có bạn chửi nhau với ai chẳng” [8, tr.37]. Nhà nghiên cứu Nguyễn Đăng Điệp cũng nhận thấy đặc điểm này của Tô Hoài “Viết về cái của mình, quanh mình là định hướng nghệ thuật và cũng là kênh thẩm mỹ của Tô Hoài. Đúng hơn, đây là yếu tố cốt lõi làm nên quan điểm nghệ thuật của ông. Nó khiến ông cho văn Tô Hoài có được phong cách, giọng điệu riêng. Đó là một giọng kể nhân nha, hóm hỉnh và tinh quái” [12].

Tô Hoài ít miêu tả tính cách nhân vật thông qua việc miêu tả nội tâm mà thường bộc lộ ý nghĩ qua độc thoại, đối thoại. Vợ chồng cụ Phúc và cái Ngói trong *Vợ chồng trẻ con* là những nhân vật được đặt trong môi trường tự

nhiên như thế: “Chú rể Phúc thì len lỏi trong đám bạn cười rúc rích...” còn cái Ngói “trong ngày cưới khóc um lên”. Cả hai nhân vật đều được miêu tả với tất cả vẻ tự nhiên của lứa tuổi trẻ con trong đám cưới tảo hôn.

Đến *Quê người* cũng vậy. Đó là Hời trong những đêm trăng đánh đàn chơi cùng bạn bè rồi đi gặp người yêu hết sức thơ mộng. Phong tục lạc hậu cha mẹ đặt đâu còn ngồi đấy được biểu hiện qua lời đối thoại trong tác phẩm *Quê người* “Không được. Tao đã nhận lời một đám rồi. Nơi này danh giá lắm, con ông phó Nguyễn ở xóm dưới. Thôi từ mai ở nhà không được lên Nha nữa, sang giêng người ta đã xin cưới đấy” [8, tr.54]. Các nhân vật trong *Mùa ăn chơi, Nhà nghèo...* cũng được nhà văn xây dựng theo cùng phong cách đó.

Ở Tô Hoài, ngôn ngữ đối thoại trội hơn ngôn ngữ độc thoại. Đặc điểm này cũng dễ nhận thấy trong các tác phẩm của nhà văn trước 1945. Nhân vật của ông phần lớn là những người lao động bình dân, và tác giả đã để cho họ thể hiện những suy nghĩ của bản thân mình qua những đối thoại. Nhân vật của Tô Hoài thường nói gọn, nói ít. Ví như lời của các nhân vật trong *Quê người* khi bàn đến việc xin cưới của Hời:

*Xem ý cu cậu thích mê.*

- *Phải đời bấy giờ có thỏa thích đôi bên mới hay. Thờ các cụ ta ngày xưa khác. Bà cứ lo đi, tôi chả có nhưng cũng xin đỡ cháu ít nhiều.*

- *Được thế thì còn gì bằng. Nhưng tôi lo nhất cái chuyện tiền. Định mới nói qua loa với ông là chỗ người trong nhà đấy thôi* [8, tr.66].

- *Ông ấy từ tôi để khỏi phải chia của cho tôi đấy. Nhưng hương hỏa mà dài nhà ông ấy thì có đéch gì. Đời cái thằng tôi tôi có cần đâu!* [8, tr.39].

Còn mảng ngôn ngữ độc thoại, đa số lời độc thoại nội tâm của nhân vật trong sáng tác của Tô Hoài được thể hiện qua lời giới thiệu của tác giả như “anh nghĩ”... “gã thấy”... “ông nghĩ rằng” và sau đó là ý nghĩ của nhân vật.

*Tôi sống độc lập từ thuở bé ... Cho dù tôi tôi sẽ sung sướng hay tôi khổ sở, các đờ tùy thuộc ở như tính tình tôi khôn ngoan hoặc đần độn [7, tr.53-54].*

Ngôn ngữ độc thoại cũng có khi xuất hiện qua sự va chạm trong đối thoại. Như suy nghĩ của Dế Mèn khi gặp anh, nghe anh mình trách móc:

*- ... Đi không kiếm được miếng ngon thì chỉ đi mõi chân, có động dại mới đi như thế. Đi lang thang thất thủ thì ai ở nhà trông nom phần mộ tổ tiên, ai đèn hương cúng giỗ các cụ? Thờ bây giờ đờ nào cũng nóng lên đi với đi ! Quân bắt mục bắt hiểu là chú, chú biết không?*

... Mèn nghĩ:

*Giá tổ tiên tôi mà biết đờ việc này hẳn các cụ cũng phát chán cái thằng con cháu cứ khur khur ôm nắm đất, đến mòn đờ chẳng làm đờ đờ gì để lấy tiếng thom cho cha ông [7, tr.82-83].*

Chỗ đáng chú ý là cách Tô Hoài đan xen vào những đối thoại, độc thoại đó những nét phong tục. Thao tác đan xen này còn đờ nhà văn sử dụng khi tả: miêu tả nhân vật, miêu tả thiên nhiên. Khi miêu tả nhà văn lựa chọn những chi tiết, hình ảnh đặc sắc tiêu biểu từ sự quan sát tinh tế, tỉ mỉ trong cảm quan hiện thực đờ thường. Trong cách miêu tả của Tô Hoài là công phu dùng chữ, không phải là chơi chữ hay khoe chữ mà là cách tìm kiếm, chọn lọc sao cho phù hợp với từng đối tượng.

Về *Quê người*, Vũ Ngọc Phan nhận thấy Tô Hoài “là một nhà tiểu thuyết có con mắt quan sát sâu sắc. Những tín tình u ẩn phô diễn ra ở những

cử chỉ rất nhỏ của người dân quê, những thói hủ bại, những ngô ngữ kỳ quặc của người dân quê, ông đều tả cận kề” [26, tr.53]. Dưới ngòi bút của Tô Hoài, ngoài những cảnh làm lụng chật vật vất vả của người dân quê, người ta thấy rất nhiều thói tục có thể là những tài liệu chân thực cho các nhà xã hội học muốn khảo sát về phong tục. Đến *O chuột* là một tập gồm 8 câu chuyện về loài vật, lấy tên *O chuột* để gọi chung, lại cũng vẫn là Vũ Ngọc Phan viết “Tô Hoài tỏ ra không giống một nhà văn nào trước ông và cũng không giống một nhà văn nào mới nhập tịch làng văn như ông. Truyện của ông vừa có những tính chất nửa tâm lý, nửa triết lý, mà các vai lại là loài vật... *O chuột* là tập truyện ngắn đầu tiên của Tô Hoài và cũng là một tác phẩm tiêu biểu cho lối văn đặc biệt của ông, một lối văn dí dỏm, tinh quái, đầy phong vị và màu sắc thôn quê” [26, tr.59]. Và theo nhà nghiên cứu Phong Lê: “Trước cách mạng, truyện của Tô Hoài in rất đậm cảm quan nghệ thuật và giọng điệu riêng của ông - một cây bút sung sức, đứng bên Nam Cao, làm nên dấu ấn đặc trưng cho trào lưu văn học hiện thực Việt Nam những năm tiền Cách mạng” [26, tr.17].

Có thể nhìn nhận rõ hơn nét riêng Tô Hoài qua một vài đối sánh với những cây bút dù ng thời và đối sánh với cả một số tác phẩm của chính Tô Hoài ở giai đoạn sau. Không giống như Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Tô Hoài khi viết về người nông dân, người thợ thủ công, ông không đi vào những sự kiện quan trọng, những tình huống gây bất ngờ, hay những cuộc đấu tranh giai cấp, mà là cuộc sống của người dân làng Nghĩa Đô sống chủ yếu bằng nghề dệt cửi. Cuộc sống khó khăn, túng quẫn của gia đình, của làng xóm nghề dệt thủ công dần dần phá sản. Những ngày chợ phiên hàng ế, không khí gia đình càng trở nên nặng nề.

*Chưa bao giờ làng Nha ở vào cái quang cảnh tang thương như bây giờ. Xưa kia, lúc nào cũng vang lên, trong các cửa sổ lách tách tiếng thoi chạy, véo von tiếng hát đưa. Chiều đến ngoài đầu ngõ, ồn ào những thợ*  
*Số hóa bởi Trung tâm Học liệu – ĐHTN <http://www.lrc.tnu.edu.vn>*

*tơ thợ cửi ra khung cửi, đứng xúm lại chuyện trò. Bây giờ, vào trong làng, vắng tanh. Những khung cửi, guồng tơ xếp cả lại. Nhiều nhà túng, bán cả đi, không hòng sinh nhai gì về nghề nữa...Người trong làng bỏ đi làm đủ nghề... Khổ lắm người ta bỏ làng mà đi [8, tr.149-150].*

Không giống như Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Tô Hoài khi viết về người nông dân, người thợ thủ công, ông đã không đi vào những sự kiện quan trọng, những tình huống gây bất ngờ, hay những cuộc đấu tranh giai cấp, mà là cuộc sống của người dân làng Nghĩa Đô sống chủ yếu bằng nghề dệt cửi. Cuộc sống khó khăn, túng quẫn của gia đình, của làng xóm nghề dệt thủ công dần dần phá sản. Những ngày chợ phiên hàng ế, không khí gia đình càng trở nên nặng nề. Bởi vậy, truyện Tô Hoài thường có cốt truyện không phức tạp, cũng ít những sự kiện, biến cố quan trọng. Truyện cũng thường được trần thuật theo trình tự thời gian kể cả ở những tác phẩm dùng cách kể theo hồi tưởng của một nhân vật. Tô Hoài không hấp dẫn độc giả bằng các thủ pháp mới lạ trong cách viết, trong nghệ thuật kết cấu tác phẩm. Nhà văn cứ để dòng đời trên trang sách trôi chảy tự nhiên, nhiều khi khá lặng lẽ, với nhiều quãng dừng, mạch rẽ ở những chỗ miêu tả sinh hoạt, phong tục thiên nhiên. Mạch truyện vì vậy thường chậm, ít có những chỗ được đẩy tới căng thẳng, những cao trào. Người kể chuyện trong tự sự của Tô Hoài cứ nhàn nhả, bình thản mà kể, mà tả.

Trong nghệ thuật kể chuyện, giọng điệu cũng là yếu tố căn bản, đóng một vai trò quan trọng trong việc thể hiện cá tính nhà văn thông qua hình tượng người kể chuyện. Hướng về một thời thơ ấu buồn khổ bằng cái nhìn và tâm cảm của người trong cuộc, giọng điệu tự truyện nói chung có những đặc trưng nhất định. Đó là sự pha trộn của nhiều sắc thái: khi hoài niệm xót xa, lúc hồn nhiên trong sáng, cũng có khi có sự trăn trở, triết lí. Giọng điệu dí

dởm nó trở thành phương tiện để tác giả bày tỏ thái độ hài hước, xót xa, phê phán trước mọi biểu hiện của con người và cuộc sống sinh hoạt (*O chuột, Vợ chồng trẻ con, Quê người*). Cái nghèo cũng ám ảnh gia đình anh Duyệt trong *Nhà nghèo*. Suốt ngày hai vợ chồng anh Duyệt chỉ biết cắm mặt vào làm lụng tối ngày mà gia đình anh vẫn nghèo chẳng đủ ăn. Nhà nghèo đến mức chẳng có gì đáng giá. Ông nhìn thấy ở những người nông dân thợ thủ công những cái hay cũng như cái dở, cái xấu và cái tốt. Con người miêu tả một cách tự nhiên, không tô vẽ: đàn ông nóng nảy, đàn bà lắm điều. “Tao bảo cho con què biết rằng hai cái bàn tay này mà rời việc ra độ mười bữa thì mẹ con nhà chúng mày rã hạng ra ! Đừng có... Anh cũng không biết “đừng có” thế nào nữa. Chị Duyệt đáp: Người ta làm lắm thì người ta ăn nhiều chứ. Đây què thì đây cũng làm sao... Thế là hai người nói cạnh nhau”.

Không chỉ hấp dẫn người đọc ở cách tả mà còn ở giọng kể và cách tạo không khí truyện kể trong tác phẩm của Tô Hoài. Dù ở thể loại nào, hồi ký hay tiểu thuyết, người kể chuyện trần thuật ở ngôi thứ nhất xuyên suốt vẫn là nhân vật giàu trải nghiệm, luôn chuyển dẫn từ quá khứ đến hiện tại nhờ hồi tưởng và liên tưởng, với giọng kể hóm hỉnh thể hiện cái nhìn bình thản và an nhiên trước mọi biến cố...

#### **2.2.4. Đa dạng trong miêu tả**

Ngoài nghệ thuật đan xen tập tục vào kể, hoặc tả nói trên, **miêu tả trực diện** phong tục là chỗ đặc biệt độc đáo của nhà văn. Trong cảnh đám cưới ở thôn quê, độc giả được thấy cảnh nhà trai, nhà gái cũng giết bò, mổ lợn ăn uống linh đình, nhộn nhịp. Người trần thuật khách quan miêu tả sự việc, có lúc người trần thuật nhìn sự việc theo con mắt của nhân vật. Cũng là niềm vui đám cưới, trong *Vợ chồng trẻ con* mỗi người lại vui khác nhau. “Chỉ hai họ là vui ăn uống, đàn hát” còn “cô dâu chú rể mỗi người lại vui, buồn mỗi vẻ khác

nhau”. Niềm vui của chú rể trong ngày cưới “hả hê sung sướng như mở cờ trong bụng. Bởi vì khắp nhà mấy hôm nay ồn lên , ken ních những người. Lại đốt pháo, mổ bò. Các bạn của chú rể kéo đến chơi đầy vườn” và còn vì “trong túi chú xúng xoảng tiếng tiền”. Trong ngày cưới, chú rể “đi nhặt pháo sì, đánh hủ, ngồi xem bò thui và chú nhảy tâng tâng” [7, tr.265-266]. Hoặc cảnh về nhà chồng của cái Ngói:

*Ngày cưới đã đến đây. Họ nhà trai sang rước dâu được giờ lành, từ lúc gà mới gáy sang canh và trời chưa tan sương. Cái Ngói mặc áo the mới ngồi ôm mặt khóc thút thít... [7, tr.266].*

Trong tác phẩm *Quê người cảnh rước dâu* theo đúng lễ nghi và phong tục diễn ra thật ồn ào náo nhiệt cũng được Tô Hoài miêu tả trực diện:

*Cỗ bàn vừa ăn xong thì sắp tới nhà trai sang đón dâu. Trong nhà gái, dần dần có một không khí trang nghiêm. Ai nấy đều ăn vận chỉnh tề. Trẻ con cũng được chít khăn. Ngây và Lụa còn tíu tíu đi lôi kéo, đón mời các cô bạn phù dâu... Các cụ, các ông ngồi lên phản trên... Rồi đến một ông cụ không lưng, râu tóc bạc phơ... Cụ cầm hương đi cùng với mấy ông bà thuộc về những tay ăn nói sắc sảo bên nhà trai. Sau mới đến chú rể, các bạn phù rể và mấy cô đi đón dâu.*

*Trong nhà tiếng mời vang vang:*

- *Xin rước các cụ giải tọa.*
- *Xin rước các cụ xơi thuốc lá.*
- *Mời quan viên hai họ [8, tr.84- 85].*

Tô Hoài còn miêu tả lúc đưa cháu gái về nhà chồng , bà Ba (cô của Ngây) “móc thắt lưng bao lấy ra mét phong giấy đỏ tặng cho Ngây” [5, tr.86].



Qua cách miêu tả trực diện, người đọc còn như được chứng kiến tận mắt trang phục truyền thống của cô dâu, chú rể. “Chú rể Hời... Đầu chít khăn lượt, đội nón chóp có quai lụa. Áo the cặp áo trắng. Cô dâu thắt ra ngoài cái thắt lưng nhiều tam giang, chiếc dây sà tích bạc lủng lẳng, lách cách. Ở trong thêm cái thắt lưng hoa hiên. Ở trong nữa, lại còn đôi giải yếm lụa bạch. Đôi guốc nàng đi là đôi guốc mới, sơn đen... Cô dâu mang nghiêng chiếc nón lá chuông to bằng cái mẹt. Cả đám cưới đẹp đẽ, nhiều màu tung bừng đi ra công xóm Giếng rồi dọc theo bờ sông Lịch” [8, tr.85-87].

Viết về nông thôn, với nhãn quan phong tục, Tô Hoài hướng ngòi bút của mình vào những bức tranh sinh hoạt, phong tục: Có khi đó là cảnh miêu tả trực diện cảnh hội hè, đình đám...võ sĩ Nành “Cởi trần, mặc quần nâu lửng, đứng giữa rạp, võ sĩ thóp bụng lại, khoanh hai chân, xuống tấn trung bình đánh huych một cái...” [7, tr.229].

Nhưng Tô Hoài lại tập trung miêu tả những lễ hội truyền thống ở thôn quê. Tác giả chú tâm vào những sinh hoạt vui chơi của nông dân như : chọi gà, đấu cờ, hát chèo, đấu võ,... *Mùa ăn chơi* toát lên không khí sinh hoạt của làng vào dịp hội võ làng. Chỉ đọc tên truyện cũng đã thấy được không khí tung bừng, tấp nập của người dân trong những dịp “tháng ba ngày tám” nhân rồi. Mở đầu truyện ngắn này Tô Hoài đã miêu tả không khí hội hè đình đám ấy:

*Bây giờ đã ngoài rằm tháng giêng. Những bà già lũ lượt đi hội chùa. Bắt đầu vào các hội đình. Một buổi sáng đầu tháng hai, một toán khách lạ đi vào trong làng. Có đến bảy tám người. Ai cũng chít khăn lượt, bận áo the dài. Trong nền áo, lòe xòe tùm thắt lưng lụa đỏ, hoặc thắt lưng nái vàng khè. Máy ông đứng tuổi đi trước, cánh tay khoác lồng thông*

*cái ô. Những bác con trai, bác nào cũng đeo trên lưng một khăn gói nhỏ. Khách có dáng ở nơi xa tới... Một người vẽ thông thạo đoán:*

*- À, người ta đến đấu võ hội tháng hai làng ta đấy mà [7, tr.224].*

Qua đoạn văn trên tác giả đã hướng nhãn quan của mình vào các tập tục dân quê. Đó là tục tổ chức hội hè đình đám vào những tháng ngày nhàn rỗi. Điều này thể hiện văn hóa tinh thần, người nông dân không chỉ có nghèo nàn lạc hậu mà họ còn có tâm hồn tài hoa khéo léo, biết thưởng thức sinh hoạt văn hóa.

*Ba hôm việc làng, rước xách, trong các xóm, khung cửi nào cũng nghỉ dệt. Người ta nghỉ ngơi, ăn uống và tối đến, lũ lượt ra cửa đình xem hát chèo... Chèo hát ồn ã liền những tám đêm. Ban ngày, ngoài cuộc thường niên kia lại có nhiều cuộc vui khác. Đánh cờ bỏi, chơi gà, diễn võ trên rạp chèo, leo cầu noi... Ai cũng thích võ. Người lớn ham xem. Ông già lại càng ham nữa.*

[7, tr.225-226]

Cảnh hội hè của một làng quê dân dã thường được nhà văn miêu tả đến từng chi tiết: “Nhưng đám tháng hai năm nay hơi khác mọi năm. Rước xách vẫn nhạt nhẽo như vậy. Đêm đến, cũng phường Bắc hát chèo. Năm nào, phường Bắc cũng nhớ tới ngày xin đám. Song đám năm nay khác, đám lớn hơn thường khi. Chèo hát ồn ã liền những tám đêm. Ban ngày, ngoài cuộc thường niên kia, lại có nhiều cuộc vui khác. Đánh cờ bỏi, chơi gà bên bãi Cơm Thi. Diễn võ trên rạp chèo. Leo cầu noi”. Bằng một vài nét phác họa, Tô Hoài đã dựng lên được một bức tranh sinh hoạt phong tục sống động, chỉ rõ những nét sinh hoạt tinh thần hết sức đa dạng, đặc sắc của người dân. Ở đó, họ có những khoảnh khắc vui tươi êm ả, hồn hậu. Ở đó, có không khí vừa trang nghiêm vừa náo nhiệt gợi nhớ cội nguồn. Người dân đi xem như để sống lại, hồi tưởng về những anh hùng giỏi võ được tương truyền trong làng.

Đất lề quê thói, mỗi làng có một tục lệ riêng, trai gái lấy nhau phải nộp treo cho làng. Làng quê ấy vẫn còn nạn tảo hôn, người ta lấy vợ gả chồng cho con theo sự sắp đặt của cha mẹ. Hai đứa trẻ cặp kê tuổi nhau, một thằng nhãi vừa chẵn mười tuổi, người ta quen gọi là cu Phúc, cái Ngói mới hơn mười hai tuổi. So đôi tuổi hai đứa là hợp nên cha mẹ cho chúng lấy nhau (*Vợ chồng trẻ con*). Tục lệ này đã trở thành thâm căn cố đế trong đời sống làng quê. Làng quê ấy, còn có kẻ chuyên đi đòi nợ thuê, họ là nỗi kinh hoàng cho những người dân (*Lái khế*). Nơi ấy còn có những quán nước cây đa đầu làng, người rỗi việc, người đi làm đồng về, đi xa về ngồi uống nước chè tươi, nói chuyện với nhau, chuyện mình, chuyện người, chuyện hay chuyện dở trong các gia đình (*Một người đi xa về*).

Phong cách tỉ mỉ trong quan sát và miêu tả nói trên của Tô Hoài còn có thể quan sát qua những tác phẩm về các lễ hội văn hóa đậm dấu ấn dân tộc. Khi làng quê vào mùa lễ hội, không khí vừa trang nghiêm vừa náo nức. Những khung cửu ngừng dẹt. Người già, người trẻ, trai, gái, trong làng nô nức đi xem hội. Trong âm thanh của tiếng trống rộn rã, hòa cùng tiết trời xuân ấm áp, mọi người như quên đi cảnh sống vất vả hàng ngày. Con người hân hoan, náo nức hòa nhịp cùng không khí rộn ràng, vui tươi của mùa lễ hội. Đây là bức tranh phong tục được Tô Hoài miêu tả khá sắc nét trong *Mùa ăn chơi*: “Bây giờ đã ngoài rằm tháng giêng. Những bà già lữ lượt đi hội chùa. Bắt đầu vào các hội đình. Một buổi sáng đầu tháng hai, một toán khách lạ đi vào trong làng. Có đến bảy tám người. Ai cũng chít khăn lượt, bận áo the dài. Trong nền áo, lòe xòe tùm thắt lưng lụa đỏ, hoặc thắt lưng nái vàng khè. Mấy ông đứng tuổi đi trước, cánh tay khoác lông thõng cái ô” [7, tr.224]. Cũng trong *Mùa ăn chơi*, độc giả còn có cơ hội quan sát cảnh “Bây giờ đã ngoài rằm tháng giêng. Những đám bà già lữ lượt đi hội chùa đã vẫn. Bắt đầu vào các hội đình. Một

buổi sáng đầu tháng hai, một toán khách lạ đi vào trong làng. Có đến bảy tám người. Ai cũng chít khăn lượt, bận áo the dài. Trong nền áo, lòi xòe tùm thắt lưng lụa đỏ, hoặc thắt lưng nái vàng khè. Mấy ông đứng tuổi đi trước, cánh tay khoác lỏng thông cái ô. Những bác con trai, bác nào cũng đeo trên lưng một cái khăn gói nhỏ” [7, tr.224]. Ngoài ra, Tô Hoài còn khai thác những phong tục trong cách làm ăn sinh hoạt của con người, qua miêu tả những ngày lễ hội đầu xuân tung bồng trong tiếng trống, tiếng cồng, tiếng chiêng thúc giục. Nó làm sống dậy cả một thời kì lịch sử của dân tộc.

Trong *Quê người*, Tô Hoài đã dựng lên một mảng màu văn hóa trong bức tranh phong tục ở vùng quê ngoại thành Hà Nội. Đó là cảnh tượng huyền ảo, rộn rập tiếng trống, tiếng nói cười của dân làng trong suốt mùa lễ hội. Không gian ấy là sự kết hợp giữa âm thanh, hình ảnh trong không khí vui tươi, phấn khởi: “Trên không, vô vàn vì sao. Ngôi sao hôm mọc chéch về phía trước mặt như một giọt ánh sáng trong vắt và lấp lánh. Trước cửa đình làng Thượng, ánh sáng của nhiều những đèn dầu, đèn đất, những đuốc hồng rực lên, từ tam quan trở vào. Tiếng trống, tiếng mõ, tiếng thanh la náo bạt, tiếng người xôn xao, ồn ồn, không thể phân biệt được tiếng gì với tiếng gì. Rõ ra đám hội đương lúc cực đông” [8, tr.20].

**Miêu tả gián tiếp** : Trong chùm tác phẩm viết trước 1945 Tô Hoài có những sáng tác độc đáo về loài vật , và chính ở những tác phẩm này thế giới phong tục cũng có một vai trò đáng kể , hoặc mang những nội dung đáng chú ý về tập tục . Với *Dế Mèn phiêu lưu ký* , cách quan sát tinh tế về loài vật kết hợp với những nhận xét thông minh, hóm hỉnh, nhà văn đã lôi cuốn các em vào thế giới loài vật bé nhỏ gần gũi, hấp dẫn và kì thú qua hình ảnh của: Dế Mèn, Dế Trũi như anh em kết nghĩa vườn đào, sẵn sàng quên mình vì bạn, vì nghĩa lớn. Xiến Tóc trầm lặng, vừa yêu đời vừa chán đời. Chị Cào Cào ồn ào

và duyên dáng. Bộ Ngựa kiêu căng, ngạo mạn. Cóc huênh hoang, dỏ hơi. Éch thông thái giả. Anh chàng Kim Kim Kim hèn đốn. Cậu công tử bột Chim Chả Non có mẽ mà đầu óc lại rỗng tuếch,... Từ đời sống và tích cách của từng con vật, nhà văn nhằm bày tỏ quan niệm của mình về nhân sinh, về khát vọng chính đáng của người lao động, về một cuộc sống hòa bình, yên vui, về tình thương, lòng chân thành và sự đoàn kết. Bởi thế câu chuyện về chú Dế Mèn không chỉ có ý nghĩa dành cho trẻ em, mà còn cả cho người lớn và cho cả xã hội. Nó thực sự mang giá trị lâu bền trong đời sống tinh thần của con người, cũng vì thế, dù ở đâu và ở thời kì nào, người đọc vẫn tìm thấy bao điều thú vị, bao bài học ý nghĩa từ tác phẩm này. Sau này, Tô Hoài tâm sự: “Cách hiểu thế giới đại đồng của Dế Mèn, Dế Trũi, Xiến Tóc... là cách hiểu chủ nghĩa cộng sản của tôi với vẻ đẹp và cả cái trống rỗng thiếu sót trong suy nghĩ của tôi”.

Nhờ tài năng quan sát, lối viết tinh tế, hóm hỉnh như vậy, thế giới loài vật trong tác phẩm hiện lên sinh động, khiến người đọc liên tưởng đến những vấn đề trong cuộc sống xã hội. Có thể nói nhân vật là loài vật đã được dùng như những ẩn dụ cho con người.

Cũng viết về đề tài loài vật, nhà văn Tô Hoài còn được biết đến với các tác phẩm tiêu biểu như *O chuột*, *Gã chuột bạch*, *Tuổi trẻ*, *Đôi ri đá*, *Một cuộc bể dâu*, *Mụ ngan*, *Đực*... Vẫn với tài quan sát và lối viết tinh tế, hóm hỉnh của nhà văn tài năng, thế giới động vật trong các tác phẩm của ông luôn hiện lên vô cùng độc đáo, sinh động. Tuy nhiên, chính từ những câu chuyện về loài vật này mà người đọc vẫn có thể liên tưởng tới những vấn đề trong đời sống xã hội. Và theo đánh giá của nhiều độc giả, trong tất cả các tác phẩm của mình, nhà văn Tô Hoài luôn thể hiện mong muốn về một cuộc sống hạnh phúc, bình yên.

Tô Hoài đã dành khá nhiều trang miêu tả chân thật, sinh động họ nhà chuột. Các chủng loại chuột như: chuột nhắt, chuột cống, chuột cộc, chuột bạch, chuột xù..., xuất hiện trong các tác phẩm của ông với những đặc điểm, thói quen riêng và cả những mối quan hệ của chúng. Trong số những truyện viết về chuột thì truyện *Gã chuột bạch* đã để lại cho người đọc bao điều suy nghĩ. Cuộc sống của vợ chồng chuột bạch là “vẫn vợ tìm những hạt gạo tẻ mà người ta rắc vào một cái đĩa ở đáy lồng”, là “đánh vòng”, dựa vào lòng “ngủ đứng”. Ngay cả khi có dịp ra khỏi lồng chúng vẫn không lấy gì làm thích thú mà “ngơ ngác nhìn quanh quẩn. Như là họ hít phải cái không khí lạ. Như là họ hít phải cái không khí lạ. Như là họ chẳng quen bò giữa nơi khoáng đãng. Và họ lại nôi đuôi nhau, tha thân, từ từ bò vào, cũng như lúc bò ra”. Có thể nói, qua cảnh sống của vợ chồng chuột bạch, Tô Hoài đã phê phán cách sống nhàm chán, buồn tẻ và vô vị, cũng như tâm lí chấp nhận, lệ thuộc của một lớp người trong xã hội, đồng thời muốn thức tỉnh những ai đang lâm vào cảnh sống đó.

Nhiều loài vật khác qua cách miêu tả của Tô Hoài tạo cho người đọc dấu ấn lâu bền. Đó là gã mèo mướp “lừ đừ nghiêm nghị tựa một thầy dòng, trên mình có khoác bộ áo thâm. Hấn có cái cốt cách quý phái và trương giả. Lúc nào cũng nghĩ ngợi như sắp mưu toan một việc gì ghê gớm lắm” [7, tr.324]. Đó là cậu gà trống gi “bé nhỏ sống côی cút một thân, một mình” thuở nhỏ, nhưng khi lớn lại có “bộ mặt khinh khỉnh ta đây” và cũng rất đa tình, “có tật mê gái, như cái tính chung của loài gà - cả của loài người - khi mới lớn lên”, bỏ nhà ra đi vì ái tình, hay dễ quên đi ái tình cũ để “lần mò đi tìm một vài ái tình khác”. Với chàng gà chọi “nhất sinh chỉ có một nghề đi đánh lẫn nhau cho người ta xem”, “lúc nào cũng chỉ ngứa ngáy chân tay”, quả không đủ chữ nghĩa để “tả cái oai lẫm liệt của chàng”. Chàng ta không thiết gì đến con cái, trong đầu “chỉ đen những ý tình ma chuột”, hay “đi ve gái”, thế mà

khi *Một cuộc bể dâu* xuất hiện, họ nhà gà chết dần, chết mòn, chàng gà chọi dù anh hùng, lắm liệt nhưng rồi cũng “tác thờ” để lại “một mình chị mái già, ra lại vào, ngẩn ngơ”. Với vợ chồng *Đôi ri đá* “tựa vợ chồng quê mới rủ nhau lên tỉnh. Họ lò khờ, ngẩn ngơ, xấu xí - nghĩa là đặc nhà quê”. Chúng cần mẫn xây tổ ấm, sống hạnh phúc, “bình lặng, chịu khó, ít ồn ã”, chờ ngày đẻ trứng, chờ ngày trứng nở, chờ những đứa con lớn lên từng ngày... Thế rồi, Tết đến, tiếng pháo nổ đón xuân về vô tình đã làm tan tác gia đình chúng. Nghe tiếng pháo “kinh khủng nổ vang động trong cây, cả nhà cuống cuống bay đi”. Cuộc sống của đôi vợ chồng chim ri đá rồi sẽ như thế nào trong cảnh tan tác đó đã khiến cho người đọc phải ngậm ngùi, xót xa. Còn *Mụ ngan* với “cái tính ngu tối, chậm chạp” đến mức những đứa con của mình gặp nạn, hay bị chết vẫn vô tình, thản nhiên. Kể cả khi bị đá, bị đuổi đánh, “bị bỏ tù” thì “chúng vẫn không hiểu chi”. Hơn thế nữa khi “chồng mụ” bị làm thịt, mụ vẫn “thản nhiên”. Mụ chỉ nhớ rõ rằng khi có hạt ngô đo đỏ, hạt thóc vàng vàng, tàu lá xanh thì xô đến mà khởi sự ăn.

Thành công của Tô Hoài trong nghệ thuật miêu tả loài vật là ông đã miêu tả tỉ mỉ đặc tính của các con vật. Tuy nhiên, ông đã vượt lên trên khuôn khổ của thi pháp cổ tích là thường đóng khung nhân vật trong những quy tắc ước lệ, ít miêu tả nhân vật. Xây dựng thành công cái dáng vẻ, thần thái của từng con vật. Tô Hoài đã thổi hồn cho cổ tích viết về loài vật, làm cho các loài vật sống động và mang đặc điểm như người. Có thể nói, thế giới loài vật được miêu tả trong tác phẩm của Tô Hoài gọi lên ở người đọc sự liên tưởng về nhiều vấn đề trong đời sống xã hội. Có lẽ, từ trước cho đến nay, trong văn học Việt Nam chưa có nhà văn nào viết về loài vật nhiều và đặc sắc như Tô Hoài . Có thể điểm lại một vài đánh giá theo cách đó của giới nghiên cứu về Tô Hoài .

Tóm lại, những chi tiết viết về phong tục là nét độc đáo trong tác phẩm của Tô Hoài. Ở đâu đó, có tiếng trống chèo, tiếng trống hội làng rộn rã, náo nức; có bước chân thình thình của kẻ chuyên đi đòi nợ thuê; có lời than phiền của ai đó cưới nhau mà chẳng nộp treo cho làng; có tiếng khóc của cô dâu nhỏ tuổi mới về nhà chồng; có tiếng rì rầm bàn tán của những người đi làm đồng trở về, ngồi nghỉ dưới quán nước đầu làng. Nó làm các câu chuyện của nhà văn dường như có sự gắn kết với nhau mặc dù mỗi câu chuyện kể về những nhân vật, cuộc đời khác nhau.

Để có những trang viết sống động, thấm đẫm phong tục tập quán của nhiều miền quê khác nhau, chắc chắn nhà văn phải có sự trải nghiệm và vốn sống phong phú mà gốc rễ của nó là tình yêu con người và mảnh đất đã từng gắn bó hoặc có dịp đi qua, cùng với năng lực quan sát và nắm bắt. Tô Hoài từng chia sẻ bí quyết: “Quan sát và ghi chép đi liền với lối sống cần thiết của người viết văn. Quan sát bắt ta hòa mình được sâu sắc vào cuộc sống, ghi chép giúp ta nhớ và phát triển mãi những điều ta biết. Quan sát và ghi chép luôn luôn quấn nhau không thể rời, như hai người chung thủy yêu nhau” [14, tr.11]. Đồng thời, chính sự am hiểu sâu sắc về phong tục và văn hóa đã trở thành một yếu tố hết sức quan trọng trong nghệ thuật tạo dựng không khí truyện của Tô Hoài. Qua những chi tiết về phong tục, văn hóa, nhà văn làm nổi bật lên được những cá tính nghệ thuật đặc sắc, những “con người này” trong tương quan với hàng loạt người khác. Qua đó, người đọc có thể hình dung lại được một cách chân xác, sống động về các thời đại, nhìn thấy các lớp trầm tích văn hóa nằm sâu trong con chữ của nhà văn. Nam Cao hay Vũ Trọng Phụng cũng thế. Nhưng so với hai cây bút hiện thực xuất sắc này, màu sắc phong tục trong văn Tô Hoài đậm hơn. Rõ ràng, màu sắc phong tục đã trở thành một yếu tố thẩm mỹ quan trọng trong thế giới nghệ thuật của Tô Hoài. Cũng cần phải nói thêm rằng, trong các tác phẩm của Tô Hoài, văn hóa,



phong tục thường gắn với những trang viết về thiên nhiên rất đỗi tài hoa, để có được những nét nhạc ấy, Tô Hoài đã phải rất tinh tường trong quan sát.

Nói như nhà nghiên cứu Trần Hữu Tá:

*...việc thể hiện phong tục có một ý nghĩa hết sức quan trọng. Nó đem đến cho người đọc những tri thức bổ ích về đời sống, những hiểu biết thú vị về những vùng trời xa lạ hay về một thời kỳ lịch sử tưởng không còn vang bóng. Người đọc biết được của thời ấy, của vùng ấy, dân tộc ấy những thói quen sinh hoạt, cách ăn mặc, nói năng, vui chơi, lao động, cách giao tiếp, ứng xử, những nghi lễ ... [26, tr.160].*

## Tiểu kết

Qua những tác phẩm được quan sát, ghi chép, miêu tả kết hợp giọng kể chuyện hài hước dí dỏm của Tô Hoài, những phong tục tập quán của làng quê Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám 1945 như được sống lại và sinh sắc.

Đọc Tô Hoài, người đọc được tiếp xúc với vô số phong tục, tập tục từ sinh hoạt trong gia đình, trong nhà, đến những sinh hoạt cộng đồng, lễ hội, ma chay, cưới hỏi,... ở rất nhiều vùng, từ làng quê ven thành, vùng đồng bằng Bắc Bộ.

Dưới ngòi bút của Tô Hoài, tất cả những phong tục ấy được ông quan sát và miêu tả một cách hấp dẫn. Tất cả đều được miêu tả với nhiều tìm tòi, khám phá, những trang của ông được viết ra từ những hiểu biết khá sâu sắc về sử học, dân tộc học, xã hội học. Song, trên hết, đó là nghệ thuật viết của một nhà văn. Không thuộc nhóm các tác giả lãng mạn, nhưng cách viết của Tô Hoài cũng đặt ông ở vị trí không lẫn trong nhóm nhà văn hướng đến những cảnh buồn lây nước đọng của dân quê. Ông ưa những miêu tả chi tiết, nhẹ nhàng, nhưng sinh động. Ông kể chuyện bằng giọng văn hóm hỉnh, truyện của ông bình dị. Hay nói đúng hơn, lớp lang một cách tự nhiên, khiến độc giả khó thấy sự sắp đặt. Từ cấu trúc như không cấu trúc truyện đó, các nhân vật của ông nhẹ nhàng xuất hiện, hành động, và sống trong mọi hành vi của cuộc đời thường nhật... Toàn bộ kiểu tự sự rất Tô Hoài như thế đã được bổ xuyết thêm bởi những hình ảnh tập tục - khi tươi sáng lúc âm đạm. Đồng thời, thế giới tập tục đó thường được nhà văn biến thành một yếu tố của truyện, của đời sống nhân vật. Nên dù ít thấy Tô Hoài có tác phẩm riêng về chủ đề này nhưng khi người ta gọi ông là nhà tiểu thuyết phong tục, thì chúng ta lại thấy danh xưng ấy hoàn toàn có căn cứ.

**Chương 3**  
**BỨC TRANH PHONG TỤC THỜI THỰC DÂN -**  
**MỘT BIỂU TẢ ĐA TRI**

Phong tục là một chủ đề xuyên suốt trong hầu hết sáng tác của Tô Hoài, cho dù độ đậm, nhạt có thể khác nhau. Thông qua chủ đề này, độc giả không chỉ được hiểu và bồi đắp tri thức về phong tục đa dạng, phong phú, sinh động của đất lề quê thói làng quê Việt Nam mà còn có thể nhận ra một trào lưu khá phổ biến trong văn chương Việt Nam hồi đầu thế kỷ XX cùng giá trị đa dạng của sáng tác về phong tục của Tô Hoài.

**3.1. Trào lưu “ôn cố” trong văn học văn chương Việt Nam đầu thế kỷ XX**

Trong mục này chúng tôi sẽ đi vào hai phạm vi : tinh thần ôn cố trong hoạt động sáng tác văn chương và trong các công trình biên khảo.

Có thể nói , hoài niệm quá khứ là một chủ đề phổ biến từ thời trung đại, do quan niệm trọng sử hơn văn , chủ trương đề cao sự phục cổ chứ không coi trọng sáng tạo . Sử truyện, liệt truyện, tiểu thuyết lịch sử chương hồi , thơ vịnh sử , thơ cảm hoài... là những ví dụ biểu hiện tinh thần hoài cổ đó. Chuyển sang thời cận hiện đại , đặc biệt là những năm đầu thế kỷ XX , khi sự cai trị của thực dân Pháp đã hiện diện thành những thiết chế xã hội thì chủ đề lịch sử lại xuất hiện trong các hoạt động văn hoá văn chương . Trong hoàn cảnh vong quốc , lịch sử trở thành nơi nuôi giữ , lan truyền kín đáo tinh thần dân tộc , tình cảm ái quốc . Nhiều khảo sát về tiểu thuyết lịch sử ở Nam Kỳ những năm 20 và Bắc Kỳ những năm 30 và 40 của thế kỷ XX đã khẳng định đặc điểm này. Trong *Nhà văn hiện đại* (biên soạn trong các năm 1942-1945), Vũ Ngọc Phan đã lần lượt điếm qua tác phẩm của Phan Trần Chúc , Đào Trinh

Nhất, Trần Thanh Mại, Nguyễn Triệu Luật, Trúc Khê trong mục dành cho “Những nhà viết lịch sử ký sự” (Quyển hai), hoặc một số tác giả khác, như: Trần Tuấn Khải, Nguyễn Tuân, Chu Thiên,... và Tô Hoài.

Về hoạt động khảo cứu, có thể kể đến các bài viết trên báo Quốc ngữ xuất bản ở Nam Kỳ, Trung Kỳ, sau đó là trên *Nam Phong tạp chí* (1917 đến 1934), và đặc biệt nhất là trên tạp chí *Tri tân*. Trong lời «Phi lộ» đặt ngay ở số báo đầu tiên ra ngày 3/6/1941, *Tri tân* khẳng định mục đích của mình là: “Ôn cũ! Biết mới!” Nhằm cái đích ấy, *Tri tân* đi riêng con đường văn hoá”. Tuy nhiên, như nhà phê bình Lại Nguyên Ân “cái tên “tri tân” hướng về sự “biết mới” nhưng hoạt động khảo cứu trên tờ Tuần san này lại nghiêng nhiều hơn về sự “ôn cố” tức là ôn lại cái cũ. Xu hướng tìm về di sản dân tộc bộc lộ từ đầu và được duy trì suốt thời gian hoạt động của tạp chí này” [1]. Cũng cần nhắc lại: châu tuần quanh *Tri tân* suốt hơn 4 năm tồn tại (1941-1945) “là một loạt nhà nghiên cứu thuộc thế hệ thứ hai (tính từ đầu thế kỷ XX), xuất thân tân học (từ nền học Pháp-Việt), quan tâm đến lịch sử văn hoá quá khứ của nước nhà... Đó là những cây bút như: Hoa Bằng Hoàng - Thúc Trâm (1902-77), Tiên Đàm - Nguyễn Tường Phượng (1899-1974), Chu Thiên - Hoàng Minh Giám (1913-91), Trúc Khê - Ngô Văn Triện (1901-47), Nhật Nham - Trịnh Như Tấu (1915-47?), Hoàng Thiệu Sơn (1920-2005), Lê Thọ Xuân (1904-78), Đào Duy Anh (1904-88), Trần Huy Bá (1901-87), Đào Trọng Đủ (1897-1995),...” [1]. Vì vậy, ảnh hưởng của tờ Tạp chí này với đời sống văn hoá đương thời là không hề nhỏ:

*Với các loại bài vở nghiên cứu, biên khảo của các cây bút này, Tri tân đã phác họa lại những trang sử giành độc lập và xây dựng quốc gia*

*Số hóa bởi Trung tâm Học liệu – ĐHTN <http://www.lrc.tnu.edu.vn>*

*tự chủ của người Việt từ thời cổ và trung đại đến cận đại, kiểm định những đóng góp của các nhân vật lịch sử. Tri tân có đóng góp đáng kể trong việc kiểm kê các nguồn thư tịch Hán Nôm liên quan đến sử học, văn học. Các vấn đề về soạn thảo văn học sử Việt Nam được đưa ra bàn luận nghiêm túc trên tạp chí này. Các khía cạnh tư liệu liên quan đến các tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam thời trung đại đã được đề cập một cách cẩn trọng, khách quan [1].*

Bên cạnh đó không thể không nhắc đến các nhà khảo cứu hoặc các công trình khảo cứu độc lập, như **Nguyễn Văn Ngọc** (1890-1942), soạn giả của *Phổ thông độc bản* (1922), *Cổ học tinh hoa* (1926, cùng Trần Lê Nhân), *Đông Tây ngữ ngôn* (1927), *Nam thi hợp tuyển* (1927), *Tục ngữ phong dao* (1928), *Nhi đồng lạc viên* (1928), *Để mua vui* (1929), *Câu đối* (1931), *Đào nương ca* (1932), *Truyện cổ nước Nam* (4 tập - 1934), *Ngữ ngôn* (1935); **Đào Duy Anh** (1904-1988) với *Việt Nam văn hóa sử cương* (1938), *Không giáo phê bình tiểu luận* (1938), *Khảo luận về Kim Vân Kiều* (1943); **Nguyễn Văn Huyền** (1905-1975) qua: *Sự thờ phụng thần thánh ở nước Nam* (1944), *Văn minh nước Nam* (1944); **Trương Tửu** (1913-1999) có *Kinh thi Việt Nam* (1940), *Nguyễn Du và Truyện Kiều* (1943), *Nhân loại tiến hóa sử* (1943), *Nguồn gốc văn minh* (1943), *Văn minh sử* (1943), *Nguyễn Công Trứ* (1944), *Văn chương Truyện Kiều* (1944), *Tương lai văn nghệ Việt Nam* (1945)...

Sơ lược điếm qua như vậy cũng có thể thấy trở về với cội nguồn, truyền thống là: một thực tế kéo dài liên tục trong những năm đầu thế kỷ XX; diễn ra trong cả khu vực sáng tác và biên khảo, đề cập đến lịch sử, danh nhân lịch sử, tín ngưỡng văn hoá dân gian, văn minh dân tộc, văn chương truyền thống,...

mang mục đích nuôi dưỡng, bảo lưu các giá trị tinh thần của dân tộc đồng thời đóng góp vào việc xây dựng một nền văn hoá văn chương dân tộc thời hiện đại. Với ý nghĩa thứ ba này, còn có thể liên hệ đến một hàm nghĩa ẩn tàng khác, đó là thể hiện tinh thần phản kháng thực dân của lớp trí thức mang tinh thần dân tộc của Việt Nam thời bấy giờ.

Trong giai đoạn 1930-1945, xu hướng viết về phong tục đã lan sang cả khu vực sáng tác văn chương.

Trong *Nhà văn hiện đại* (quyển Tư, Tập Thượng), Vũ Ngọc Phan xếp Khái Hưng, Trần Tiêu, Mạnh Phú Tư, Bùi Hiền, Thiết Can vào nhóm “Các tiểu thuyết gia phong tục” [33, tr. 651-716]. Trong đó *Nửa chừng xuân* (nhân vật bà Án như một đại diện cho với quyền hành của một người mẹ trong gia đình Việt Nam quý phái; vai Hàn Thanh cho biết về những thủ đoạn của cường hào ác bá ở thôn quê Việt Nam); *Thừa tự* của Khái Hưng được coi là những dẫn chứng tiêu biểu. Đánh giá tác phẩm này, Vũ Ngọc Phan khẳng định: "Những điều quan sát của ông về những cổ tục trong gia đình Việt Nam, không ai không dám bảo là không có giá trị" [33, tr.675]. Với trường hợp Trần Tiêu, Vũ Ngọc Phan đánh giá: "Tiểu thuyết của ông thuộc vào loại tiểu thuyết phong tục thôn quê hơn là thuộc vào loại tiểu thuyết xã hội" [33, tr.680], và ông nói thêm: "Ở tập truyện này (*Con trâu*), chỉ diễn ra rất những việc rất thường trong lũy tre xanh, những việc hằng ngày của người dân quê Việt Nam... hết cúng tế ở đình, ở văn chỉ, với cỗ bàn la liệt, lại đến đám rước thần trong cuộc đảo vũ, kèm theo vào đó đủ mọi điều mê tín; rồi đến những cuộc hội họp ở nhà thờ họ, những việc cấp ruộng ở đình làng với những cuộc cãi cọ ồn ào, tục tữ" [33, tr.681]. Còn Mạnh Phú Tư có tên trong nhóm tác

giả này, bởi, theo Vũ Ngọc Phan, ông là người đã viết *Làm lễ, Nhặt tình* - đề nói về kiếp chồng chung ; hay *Sống nhờ* và *Một thiếu niên* - với những cảnh đời nghèo khổ như chính tên truyện “sống nhờ” . Trường hợp Bùi Hiển thì có *Nằm vạ, Ma đậu* (tả tục mê tín ) đã được Vũ Ngọc Phan bình luận : "Một nhà tiểu thuyết tả chân của xứ Nghệ : hầu hết các truyện ngắn của ông đều là những chuyện tả phong tục cùng tính tình của dân chài xứ ấy " [33, tr.707]. Riêng với Thiết Can , Vũ Ngọc Phan cho rằng qua *Dã tràng, Cát bụi, Trinh nữ...* tác giả đã đem lại cho độc giả vô số chi tiết về "cách "hàn gắn " của người đàn bà xứ Bắc , nào sự ăn bám trong gia đình , rồi nào những cáo hay , cái dở khác nữa , do chế độ đại gia đình gây nên " [33, tr.712]. Tổng kết lại sáng tác của nhóm tác giả này, Vũ Ngọc Phan viết:

*Tôi nghiệm ra những tiểu thuyết về phong tục là những tiểu thuyết sống lâu hơn tất cả các tiểu thuyết khác , nhưng lại không được hạng trung lưu, hạng người không có óc quan sát hoan nghênh cho lắm... Song đối với người ngoại quốc và người thời sau , một quyển tiểu thuyết về phong tục, do một ngòi bút lão luyện viết, bao giờ cũng là một quyển có giá trị và được lưu truyền [33, tr.666].*

Cùng một giai đoạn, cùng một xu hướng trào, một lưu văn học, Nguyễn Công Hoan như Phan Cự Đệ nhận định:

*Trước Cách mạng, có lúc Nguyễn Công Hoan đã nghĩ rằng mình chưa hề viết tiểu thuyết xã hội mà chỉ viết tiểu thuyết phong tục. Theo ông, **Bước đường cùng** là tiểu thuyết phong tục. Những chuyện đẽ đái, chửi bới nhau vì mất gà mất què, thù hằn nhau rồi bỏ rượu lậu vào ruộng nhau, những cảnh thu thuế, đóc thuế, vay nợ, ăn khao, phạt vạ đều là*

*phong tục. Thật ra, **Bước đường cùng** là một cuốn tiểu thuyết có luận đề xã hội, nó không lấy việc miêu tả phong tục làm cứu cánh. Tuy vậy, không phải ngẫu nhiên mà Nguyễn Công Hoan lại gán cho "Bước đường cùng" cái tên tiểu thuyết phong tục. Trong tiểu thuyết, Nguyễn Công Hoan hay mượn các nhân vật, các chương để tái hiện các sự kiện lịch sử quan trọng hoặc gửi gắm vào đấy cái vốn hiểu biết phong phú, đồ sộ của mình về các tầng lớp, các môi trường, các nghề nghiệp khác nhau của xã hội đương thời. Nguyễn Công Hoan rất có ý thức khôi phục lại cái không khí xã hội, các phong tục, sinh hoạt, ngôn ngữ, tín ngưỡng... của một thời kỳ lịch sử [6].*

Ngô Tất Tố với cái nhìn của một ngòi bút báo chí đã miêu tả nhiều vấn đề mang tính bản chất nông thôn Việt Nam dưới chế độ thực dân nửa phong kiến. Những hủ tục ở nông thôn được xem đó là cái gì hết sức vô lý với danh nghĩa phong trào phục cổ bảo toàn quốc túy mà chính quyền thực dân ra sức kêu gọi khôi phục lại. Tất cả những hủ tục nặng nề, phiền phức ở chốn đình trung, theo Ngô Tất Tố, đã biến cái làng Việt Nam cổ xưa thành một triều đình phong kiến thu nhỏ, mà ở đây, lợi dụng sự mê tín của dân chúng, bọn thực dân phong kiến đã giở mọi trò lừa bịp nhằm thực hiện chính sách ngu dân bóc lột của chúng.

*Là người am hiểu nông thôn, qua nhiều năm khảo sát phong tục tập quán ở làng quê... Năm 1931, trên báo Đông Phương, Ngô Tất Tố đã tiến hành một cuộc "Điều tra về phong tục các làng, về việc đình trung ở thôn quê". Cuộc điều tra xoay quanh bốn vấn đề chính: "Phong tục đồi bại ở thôn quê; Những đám kiện cáo, ẩu đả vì tranh giành ngôi thứ*



trong đình mà ra; Tư tưởng quyền uyên quế hương của người nhà quê; Thần tích hoang đường của các làng” [34, tr.290]. Viết **Tập án cái đình**, Ngô Tất Tố phơi bày những chuyện kì quái, những hủ tục ở làng quê diễn ra ở chốn đình trung. Ông đã đem « cái ổ hủ bại mọi rợ chấp lại thành thiên điều tra », những hủ tục đã thành “thiên kinh địa nghĩa” làm cho cuộc sống của người nông dân đã khốn khổ lại càng khốn khổ hơn phơi bày ra trước công luận. Bọn cường hào kì mục ở nông thôn đã lợi dụng sự kém hiểu biết, lòng mê tín và thói chuộng hư danh của một số nông dân để nặn bóp kiếm chác. Nhiều khi, những người nông dân vừa đáng thương, vừa đáng giận này mù quáng tự nguyện làm theo những hủ tục ấy, như một thói quen đã ăn sâu bám rễ vào ý thức... **Tập án cái đình** và **Việc làng** đã chỉ ra được nguyên nhân sâu xa của những thói tục nơi “góc điểm sân đình” do chính sách ngu dân của chế độ thực dân phong kiến, do bọn cường hào địa chủ, đại diện trực tiếp cho chế độ thực dân phong kiến ở nông thôn đã lợi dụng hủ tục ở nông thôn để đục khoét, bóp nặn nông dân... [34, tr.291-292].

Như vậy, Ngô Tất Tố cũng đã nhìn phong tục thông qua cái nhìn đấu tranh xã hội một cách tự phát giống Nguyễn Công Hoan. Ông đã xuất phát từ cái nhìn cấp tiến phê phán hủ tục lạc hậu u tối, xem đó là một sự kìm hãm người nông dân vào cái cách bần cùng.

Còn sáng tác của Nguyễn Tuân xoay quanh ba đề tài : “chủ nghĩa xê dịch”, vẻ đẹp “vang bóng một thời” và đời sống truy lạc ... Những trang đặc sắc nhất của một chuyến đi là những trang ghi lại một cách tài hoa , sắc sảo và chân thực một số nét riêng của cảnh vật cùng với phong tục trong sinh

*hoạt của con người trên đất Hương Cảng...* [34, tr.184]. Nguyễn Tuân trong *"Vang bóng một thời»* hầu như chỉ tập trung miêu tả những thói quen, cung cách sinh hoạt những kiểu ăn chơi cầu kì, phong lưu, đài các của những con người tài hoa ấy..." [34, tr.186]. Bởi vậy, Nguyễn Tuân được coi là một đại diện tiêu biểu cho xu hướng văn xuôi phong tục phục cổ. Ông đã hoài nhớ, đề cao những thú chơi tao nhã cầu kỳ của các nhà nho, đi tìm cái đẹp của vang bóng một thời.

Để làm rõ trào lưu "ôn cố" chúng ta đã đi qua một số xu hướng văn học có sự thể hiện phong tục ở các mức độ khác nhau. Có xu hướng thể hiện phong tục từ một phía hoặc là chủ yếu tập trung vào hủ tục lạc hậu là nguyên nhân dẫn đến sự cùng khổ của nhân dân, hoặc dùng phong tục làm đối tượng để phê phán các gia đình phong kiến. Hoặc hoài vọng cái đẹp để đã lùi vào dĩ vãng. Không khí đó có lẽ đã tạo nên một hiệu ứng mạnh mẽ tác động đến Tô Hoài, nhưng nhà văn có một lối đi khá riêng. Hoài vọng cái đẹp để đã lùi vào dĩ vãng, hay lấy phong tục làm tiêu chí khám phá đời sống xã hội và con người. Phong tục được thể hiện một cách cụ thể, khách quan tất nhiên có cả thái độ phê phán. Mục đích, phương thức, ý nghĩa biểu tượng của cách viết đó đã tạo nên sự đa dạng của các giá trị mà nhà văn đưa vào tác phẩm của ông.

### **3.2. Giá trị đa dạng của sáng tác về phong tục của Tô Hoài**

Như trên đã phân tích, phong tục được Tô Hoài phục dựng một cách rất tỉ mỉ từ những mỹ tục đến những hủ tục. Không chỉ đơn thuần là ghi lại những phong tục tập quán mà ngầm sâu dưới những tập tục ấy là những ẩn ý của tác giả - đây chính là cái mang lại những giá trị ngoài văn chương, và sự đa dạng cho sáng tác của Tô Hoài.

### 3.2.1. Một bảo tàng nhân học, lịch sử

Tô Hoài có thể nói là một nhân chứng của lịch sử về văn hóa. Trong lời giới thiệu *Chuyện cũ Hà Nội*, Nguyễn Vinh Phúc đã khái quát: “*Chuyện cũ Hà Nội* có thể coi là một góp nhặt xã hội học về Hà Nội thời nửa đầu thế kỷ XX bằng văn chương. Bất luận bạn đọc ở giới nào cũng có thể tìm được những điều cần biết mà chưa biết” [24, tr.8].

Những phong tục nghi lễ, sau Cách mạng tháng Tám được Tô Hoài nhắc đến rất đầy đủ và chi tiết qua những chuyện: *Những ngày áp Tết*, “người ta thấy không khí phiên chợ Tết của làng Bưởi vào ngày bốn và ngày chín, rồi lại nghe người ta nhận xét: chợ mười chín là chợ của người có tiền..., phiên hăm bốn, chợ của người ta thường thường. Chợ hai mươi chín là chợ người nghèo [24, tr.53]. Đến *Đêm giao thừa*, “Đường Thành đêm vắng hơn hẳn mọi khi... Phải vội về mà châm nén hương đêm ba mươi” [24, tr.61]. Cho đến *Hội làng* “Kiệu bát cống sơn son thiếp vàng nguy nga. Mười tám trai kiệu thông dong bốn phía. Người đô tùy nào cũng lực lưỡng cỡi trần, đóng khó điều, đầu chít khăn nhiễu tam giang, mắt đeo kính râm. Một tay xòe mở quạt Tàu lụa bạch. Lúc cất tiếng hí, kiệu bay kiệu bò, tay lại mở quạt che miệng” [24, tr.260]. Làng quê truyền thống của Việt Nam ít khi thiếu *cái đình*. Vì vậy, Tô Hoài đã có được những trang viết độc đáo về kiến trúc và không gian sinh hoạt đó “Mọi công chuyện làng xóm đều được đem ra đình : kiện tụng, thề bồi, cưới xin, ma chay, thuế má, quan nha bắt lính, xử tội kẻ trộm và các giấy tờ, mọi sai phải, mọi thủ đoạn phe cánh, cuộc chè chén và các cuộc ẩu đả đánh chém nhau của các quan làng đều xảy ra ở chôn đình trung” [25, tr.60]. Cho đến tục *Làm ma khô*, “Chỉ riêng việc xưa nay trong họ, ngoài làng, nhà

nào có cha mẹ già héo mà nhà mình đã đi phúng viếng, hào bạc hay chai rượu, bao hương, bao nến. Không phải lệ làng, không có khoản khoản hương ước mà đâm ra trói buộc nặng nề, không có không được” [24, tr.68]. Hay **Phiên chợ trâu bò** “Một tháng, chợ Bưởi có bốn phiên, ngày 4 và ngày 9, người các làng xa về,...mà trẻ con mong Tết bao giờ cũng nhớ cũng đợi ba ngày chợ ấy, gọi là chợ phiên trâu bò, chỉ áp Tết mới có... Cả năm chợ Bưởi chỉ có ba phiên này lái các nơi đem trâu bò đến bán” [25, tr.52-55]. Hoặc **Giỗ Tết** “Những hủ tục mới lẫn lộn đội lốt cái hủ tục cũ. Không biết rằng bao giờ giỗ Tết thực sự cũng là một sinh hoạt phong tục đẹp, nhất là ở trong làng” [25, tr.102].

Với những không gian đô thị, trong những tác phẩm viết sau thời điểm 1945, Tô Hoài viết thêm về trải nghiệm ẩm thực. Như **Phở** “Hà Nội 36 phố phường đã nói về một thứ phở ngày xưa có lẽ chẳng có mấy người biết kiểu ăn lại đòi của người nghiện hút, ấy là bát phở có mấy giọt cà cuống của một gánh phở đỗ ở góc đa có miếu thờ trong sân bệnh viện Phủ Doãn” [25, tr.243]. Hay **Cháo** “Cháo đã vào cả phong tục, hội hè. Ở vùng Bưởi, có thôn Yên Thái, hàng năm cứ vào hè, bắt đầu các nơi làm lễ cầu mát thì xóm Cầu Sau có vào đám... Cháo hoa nóng ăn với đậu om. Đậu phụ rán cả bánh, rắc hành rồi rim nước mắm... Cháo đã từng là quà hàng ngày... Cháo có liên quan đến thịt cá thì có, cháo bò, cháo phôi, cháo lòng, cháo gà, cháo lươn, cháo cá, cháo vịt, cháo ám, cháo bầu dục,...” [25, tr.238]. Hoặc sinh hoạt ả đào “Đầu thế kỷ, ở Hà Nội, phố Hàng Giấy có nhà hát ả đào. Các cụ nhà nho đến phố Hàng Giấy nghe hát, đánh trống cầm chầu. Bài hát hay, bài hát thù tạc các cụ

làm rồi đưa cho ả đào hát có thưởng tiền” [25, tr.71]. Đó là sự hồi nhớ Hà Nội những năm đầu thế kỷ XX.

Từ những năm đầu thế kỷ XX, xã hội Việt Nam đã bị cưỡng bức bước vào những chuyển động xã hội, văn hoá mới. Trên con đường Âu hoá, đô thị và công nghiệp hoá, nhiều giá trị mới hình thành và cũng không ít di sản cũ mất đi, hoặc bị biến tướng. Tô Hoài đã trải nghiệm tình thế lịch sử đó và đưa nó vào các trang văn của mình.

Nói chung, ngòi bút Tô Hoài ưu đãi miêu tả nếp sống dân dã, chủ yếu là chuyện người nghèo, bắt đầu từ dân quê trôi giạt về thành phố kiếm ăn, ở đợ, may thuê, gánh mướn, làm đào hát, đào rệu... Trong nhiều sáng tác của mình trong thời kỳ Cách mạng, Tô Hoài đã dựng lên khá sinh động cuộc sống của một làng quê Việt Nam. Tô Hoài không dẫn cốt truyện vào một mạch xung đột căng thẳng giữa hai thế lực đối nhau về giai cấp như trong *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố hay *Chí Phèo* của Nam Cao. Không có trực tiếp những cảnh cùm kẹp đánh đập người nghèo khổ ở giữa sân đình. Trăng vẫn sáng đẹp trong những đêm hội chèo và trai gái náo nức trong các cuộc vui hò hẹn, làng quê hiện lên với nhiều màu vẽ, nhiều kiểu người sinh động và những phong tục tập quán tự lâu đời qua đã gắn bó, rồi phong cảnh nên thơ trữ tình của làng quê, những ước mơ, khát vọng của tuổi trẻ lớn lên. Có thể coi đó là những ký sự địa phương, là một tư liệu văn hoá dân tộc, một chứng từ thời đại, bên cạnh giá trị cao của tác phẩm văn học.

### **3.2.2. Một tiếng nói phản tỉnh, phản kháng**

Trong những tác phẩm viết trước Cách mạng, Tô Hoài ít tập trung vào những mâu thuẫn có tính chất đối kháng quyết liệt. Thế nên, làng quê trong

tác phẩm của ông không ngọt nhạt tiếng trống dồn suu thúc thuế như trong *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố, không đi sâu diễn tả bi kịch thảm thương của một kiếp người như trong truyện *Chí Phèo* của Nam Cao. Trong làng quê của Tô Hoài có muôn cảnh sinh hoạt thường gặp ở những làng quê như cảnh người ta chửi bới, bêu xấu nhau, cảnh trai gái hẹn hò rồi cảnh một làng nghèo với những mảnh đời chia lìa tan tác. Và nếu Bùi Hiền được coi là một nhà tiểu thuyết tả chân của xứ Nghệ với những tác phẩm tả phong tục cùng tính tình của người dân chài xứ ấy, Kim Lân được coi là độc đáo và hấp dẫn khi ông viết về những cái gọi là thú đồng quê hay về “phong lưu đồng ruộng”, Nguyễn Tuân cảm nhận phong tục từ những giá trị thẩm mỹ đặc sắc gắn với một lớp người nghệ sĩ tài hoa, thì Tô Hoài “thường nhìn nông thôn nghiêng về phía phong tục với cặp mắt ấy vẫn có con mắt của một nhà xã hội, một cây bút hiện thực”. Tô Hoài cảm nhận phong tục trên mọi phương diện tự nhiên của nó: từ phong tục đến hủ tục, từ nét đẹp văn hoá đến những sinh hoạt lạc hậu ấu trĩ cần phê phán và loại bỏ. Như vậy, với nhãn quan phong tục đặc biệt, Tô Hoài phản ánh hiện thực cuộc sống một phần từ phong tục và hủ tục để tạo nên tầm khái quát mới về con người và cõi nhân sinh. Con mắt tinh quái của Tô Hoài còn cảm nhận cả những "phong tục đã lỗi thời" - những hủ tục như nạn tảo hôn (truyện ngắn *Vợ chồng trẻ con*), nạn đòi nợ (truyện ngắn *Khách nợ*), nạn chữa bệnh bằng lời mê tín dị đoan (truyện ngắn *Ông cúm bà co*), nạn cho vay nặng lãi, nạn ma chay cưới xin, nạn chửi bới bêu xấu nhau... (tiểu thuyết *Quê người*), khiến bao gia đình điêu đứng, bao số phận bi thảm, bao tình làng nghĩa xóm rạn nứt. Không những thế, thói sĩ diện thường tình

tiềm ẩn trong mỗi con người nhiều khi cũng trở thành mảnh đất cho hủ tục hoành hành để lại kết cục bi thảm cho con người.

Xét về thời gian lịch sử, ta thấy Hà Nội đã được Tô Hoài theo dõi liên tục, từ khi Pháp mới sang cho tới những năm ba mươi, bốn mươi và kết thúc bằng Cách mạng tháng Tám (*Mười năm*). Đó là phần ngoại thành, vùng Nghĩa Đô, Bưởi và quá lên vùng Cầu Giấy, Từ Liêm, Hoài Đức, Tô Hoài rất quen. Ông đang đưa ra những góc nhìn mà người đã đi qua thời đó chưa thấy, đưa ra những sự thật mà những người sinh sau thời đó không thể biết. Trong vai trò một nhà văn, ông đã để lại cho con cháu thế hệ sau một thứ tài sản vô giá, đó chính là những ký ức rõ ràng và trọn vẹn về thời trước. Ai cũng có quá khứ, một dân tộc cũng thế. Và ai cũng có quyền được biết quá khứ của dân tộc mình. Đó chính là hình ảnh làng quê Việt Nam, ông muốn trở về với ngọn nguồn, làm sống lại những truyền thống của dân tộc, nghĩ về quá khứ dân tộc, ông biết tìm tòi và trân trọng những giá trị của truyền thống. Đó cũng là lý do giải thích vì sao Tô Hoài đặc biệt chú ý đến các lễ hội văn hóa đậm dấu ấn dân tộc những cảnh hội hè đình đám. Có lần Tô Hoài tự nhận xét:

*Tôi viết anh thợ cửi, chị thợ tơ yêu nhau, lấy nhau, ước mong một khung cửi nhưng họ ngày càng nghèo, không bao giờ có được, rồi phải mang đi đất khách quê người... Người ta chơi chắn cạ, xóc đĩa, thò lò suốt ngày, suốt đêm. Sát phạt nhau từ một xu trở lên. Và cái sự mất trộm vặt thì thường xảy ra luôn. Con chó, con gà đi tha thẩn ngoài ngõ, vô ý không ai trông, mất ngoém ngay. Cái váy, cái quần phơi ngoài sân, biến là thường. Thậm chí, ngoài vườn có mấy quả đu đủ xanh cũng*

*bị vất trụi. Không hôm nào là không có người vác gậy, cầm mõ đi dong ra dong vào để chửi những đứa ăn cắp bản* [8, tr.151].

Dường như nhìn tập tục cổ truyền theo góc này, Tô Hoài đã muốn gửi một thông điệp cho chính những con người mà ông luôn yêu mến, rằng những con người bé nhỏ bất hạnh hãy nhìn nhận lại lý do bất hạnh, đói nghèo, ngột ngạt ở chính những nếp nghĩ cổ hủ của mình. Tô Hoài cũng dường như muốn đặt ra những câu hỏi: liệu những nếp cũ tục xưa có phải muôn đời tốt đẹp, mãi mãi không cần thay đổi. Và có lẽ đây cũng là tiếng nói phản ứng của một trí thức trước một thiết chế xã hội mà tuy ông không trực diện mô tả những nó có mặt ở khắp mọi nơi: thiết chế xã hội thời thực dân. Trong công cuộc khai thác thuộc địa, để tuyên truyền nhằm tạo nên một hình ảnh hợp pháp và đẹp đẽ cho mình, nhà nước thực dân Pháp đã đưa ra khẩu hiệu “khái hóa văn minh”. Và từ đó làn sóng Âu hóa lan rộng ở xứ sở này. Nhưng Âu hóa sẽ đối mặt với truyền thống cả ngàn năm của người dân bản địa ra sao, truyền thống ấy sẽ thích ứng thế nào với đời sống mới vừa xuất hiện...? Hàng loạt câu hỏi ngầm ẩn như thế đặt ra trong sang tác của Tô Hoài, và những kết cục bi thương của vô số dân quê là câu trả lời.

### **3.2.3. Tính triết luận xã hội**

Nhớ về Hà Nội với những gì thanh tao của nét đẹp trong quá khứ. Trong lời tựa *Thương nhớ mười hai* Vũ Bằng chia sẻ: “Nhớ quá, bất cứ cái gì của Hà Nội cũng nhớ, bất cứ cái gì của Bắc Việt cũng nhớ, nhớ từ cánh đồng lúa con gái mơn mớn nhớ đi, nhớ từng tiếng hát của người mẹ ru con buổi trưa hè mà nhớ lại; nhớ hoa sấu rụng đầu đường... Nhớ không biết bao nhiêu” [2, tr.10].



Từ góc nhìn chung của văn hoá Việt, lễ hội bao giờ cũng tạo nên một không gian sống thực yên ấm, no đủ, hạnh phúc ngay cả khi cuộc sống còn đói khổ cùng cực. Cả năm có một ngày như thế: đó là tết, ngày của sum họp gia đình, nhưng cũng là ngày rất cơ cực của người dân nghèo Hà Nội thời đó “nhà nghèo chạy cái tết bỏ hơi tai” nhưng vẫn chuẩn bị cho ngày đó với tất cả tâm hồn cho người sống và cho cả tổ tiên ông bà “đến hôm tất niên mới mò được ra chợ mua miếng thịt lợn, nén hương, gọi cho là có tết nhất”, những ngày áp tết được tác giả ghi lại với vài chi tiết đơn giản “miếng thịt lợn, nén hương” nhưng tác giả đã tạo dựng nên cả một ngày linh thiêng quan trọng của người dân nghèo Hà Nội xưa, là nét văn hoá gia đình người Việt - gia đình bao gồm cả người chết nên ngày tết có thăm mộ, cúng tổ tiên, thắp hương cầu cho may mắn cả năm. Nét vui của Tết lại hiện lên trong niềm vui hồn nhiên của trẻ thơ “bánh pháo tếp”, “miếng khế khô lẫn mật gừng”, “đôi guốc mộc mới”... Phải chăng, nét đẹp của ngày Tết là ngày tiếp khách thăm hỏi nhau, ân cần, tha thứ cho nhau vì đây là ngày “thân phận mỗi người được quý trọng” là ngày mừng nhau mọi sự tốt lành ngay cả trong cuộc sống khổ cực”.

Một nét văn hoá của Hà Nội xưa của cha ông để lại đã làm đẹp, làm vui thêm cuộc sống vốn quanh năm nghèo túng bằng cái tết được kéo dài. Sau ngày tết nguyên đán “còn có những ngày râu ria mà nhà nghèo rớt mồng tơi cũng phải có được gói hoa, nén hương”. Đó là “ngày giỗ tổ” tổ nghề giấy, nghề lụa, hai mươi ba tết, ông công ông táo, “chiều ba mươi cúng trừ tịch, mồng 3-4 lễ hoá vàng, mồng bảy hạ cây nêu, nhà nào dệt vải đưa mấy nhát thoi lấy may đến cúng rằm tháng giêng sang tháng ba lại tết bánh trôi, bánh chay, tháng năm tết Đoan Ngọ mừng hoa quả mới. Ở các cửa đền miếu đều có

cúng quan ôn, cúng cháo vẩy ra bờ bụi cho các âm hồn bơ vơ lang thang được hóp nước ngũ cốc, ngọc thực”, đến tết trung thu tháng tám và khi gió heo may về, vào mồng mười tháng mười tết com mới. Điều thú vị là, các làng nghề giấy, nghề lụa không làm ra thóc nhưng cũng “cúng com mới” thể hiện tâm thức của cư dân nông nghiệp, lễ hội theo mùa. Sau lễ tết đến hội hè. Làng Mọc tháng giêng vào hội đánh cờ người, tháng tám hội đèn Ghènh, hội rước kiệu bò ở Đền Trại, Thủ Lệ, hội làng Đông, làng Hồ rước về đền Voi Phục, trong sân đình có hội thi cây cảnh... cả một không gian rực rỡ sắc màu. Bởi lễ hội là một sản phẩm và là một biểu hiện của nền văn hoá, tham gia lễ hội là thể hiện một cách ứng xử văn hoá của người Hà Nội, họ tìm trong đó sức mạnh của tình đoàn kết, tinh thần tương thân tương ái.

Như trên đã phân tích, trong quan sát và mô tả của Tô Hoài, tập tục hay có, mà nét dở cũng có. Tô Hoài đã dựng lên diện mạo Hà Nội từ hai phương diện: Văn hoá vật chất với cảnh sống cực khổ của người dân nô lệ mất nước và văn hoá tinh thần với vẻ đẹp của phong tục tập quán, lễ hội, văn học dân gian và sức mạnh tinh thần bền vững. Nó không đơn thuần là việc miêu tả các tập tục mà qua bức tranh về phong tục, Tô Hoài đã nhìn thấy có những phẩm chất đáng quý của người dân đồng thời còn chỉ ra được những thói hư tật xấu, những hủ tục không phù hợp kìm hãm đời sống của họ. Ông đã nhận ra rằng, chính sự hiểu biết hạn hẹp là một trong những nguyên nhân khiến cuộc sống của người dân trở nên nghèo đói, tù túng. Họ không chỉ vất vả, cay đắng vì những áp bức, bắt công mà còn chịu biết bao nhiêu sự hà khắc, trói buộc của những hủ lệ nghiệt ngã kéo dài từ bao đời, như: Tục mê tín dị đoan (*Quê người*), ép duyên (*Quê người, Vợ chồng trẻ con*),... Đằng sau những hủ tục ấy

chính là sự tàn lụi của những số phận, những kiếp người do sự suy thoái của nền kinh tế thuộc địa.

Cái nhìn này có lẽ vừa là nhận thức tự thân của tác giả vừa là hệ quả của xu hướng Âu hoá . Sự du nhập của các yếu tố ngoại lai mới mẻ (phương Tây) đã có tác dụng thức tỉnh cách nhìn quen thuộc , tạo nên xu hướng phê phán các giá trị cũ (phương Tây) mà cái nhìn đời sống dân quê thành nơi bùn lầy nước đọng cần tiến hành cải lương hương chính trong xã hội và trong một số tác phẩm văn chương giai đoạn 1930-1945 là một ví dụ . Nhưng đồng thời nó cũng tạo nên một sự thế thủ trong một số trí thức . Những tác phẩm viết về tập tục của Tô Hoài cho thấy ông dường như đã không rơi vào trạng thái cực đoan nào.

## Tiểu kết

Nằm trong khu vực văn hoá Đông Nam Á rồi Đông Á, thế tự trị đã hiện diện lâu đời trong đời sống người Việt Nam, nhưng đến đầu thế kỉ XX, sự du nhập của văn hoá phương Tây vào Việt Nam đã làm thay đổi những giá trị cổ truyền của dân tộc. Sau những phản kháng quân sự thất bại, phải chấp nhận sự đô hộ của thực dân phương Tây, phải theo con đường Âu hóa về tư tưởng và xã hội, đến những năm đầu thế kỷ XX, tinh thần quật cường của dân tộc Việt đã có một sự chuyển hướng sang lĩnh vực văn hóa. Phong trào Duy tân yêu nước, những cuộc tranh luận về quốc học, quốc văn, hay về *Truyện Kiều*,... chính là hệ quả của sự lựa chọn này.

Tinh thần ái quốc được bộc lộ qua những hoạt động theo cả hai hướng: ôn cố và tri tân. Trong khát vọng bảo tồn quốc túy, bảo tồn căn tính dân tộc, xác lập giá trị dân tộc ở điều kiện mất nước, nhiều thế hệ trí thức đã không ngừng mọi nỗ lực phục dựng và du nhập. Lực lượng sáng tác văn học cũng không nằm ngoài quy luật đó. Hàng loạt các tác giả đã cho ra đời những áng văn chống thực dân, cổ súy cho tình cảm yêu nước, hoài nhớ quá khứ tốt đẹp. Tô Hoài thuộc số này.

Đồng thời, việc ông và những tác giả mang ý tưởng như ông khi sáng tác về phong tục cũng cho thấy đó là một cách đối thoại với quá khứ dân tộc từ khát vọng tạo lập một tình cảm ái quốc mạnh mẽ và nhờ ảnh hưởng của tinh thần khai sáng mà văn minh phương Tây mang lại.

Dùng các thủ pháp văn chương một cách tài tình, Tô Hoài đã tạo ra một diễn ngôn nhiều ý nghĩa. Thế giới tập tục truyền thống được Tô Hoài lật giở

nhiều chiều và biểu tả theo những quy ước của ngôn ngữ nghệ thuật trở thành nơi lưu giữ nhiều giá trị truyền thống, thành tiếng nói tự phản tỉnh dân tộc để trở nên văn minh, là giọng phản kháng thiết chế xã hội thực dân đương thời, và cũng là triết luận về cuộc nhân sinh vượt qua ranh giới thời gian-không gian.

## KẾT LUẬN

1. Là một cây bút viết khỏe và độc đáo ở mọi chặng đường cầm bút, Tô Hoài thành một tên tuổi nổi bật trong đời sống văn chương hiện đại. Khảo sát một mảng đề tài được coi là sở trường của ông là phong tục trong các tác phẩm viết trước Cách mạng tháng Tám, chúng tôi đã chỉ ra những vấn đề mà ông quan tâm, đó là những thói quen nhiều đời trong phạm vi sinh hoạt gia đình, tộc họ cũng như làng xã - xã hội mà tiêu điểm chính là tầng lớp dân nghèo ven đô.

2. Đồng thời qua đó, người đọc cũng có thể quan sát thấy nét riêng cũng như khả năng thể hiện những nội dung đó của Tô Hoài. *Trước hết*, là cái nhìn không nhất phiến. Chúng ta có thể tìm thấy những sắc màu tươi sáng của mỹ tục và cả những mảng màu u ám của hủ tục làng quê. Chúng ta có thể nhìn thấy những giá trị bất biến muôn đời và cả sự tha hóa theo thời cuộc trong tập quán, tín ngưỡng. *Một nét độc đáo khác* của cách viết Tô Hoài là ông luôn lồng những phong tục đó vào câu chuyện của con người, về con người, ở một khoảnh khắc hoặc ở một đoạn đời hay kéo suốt cả cuộc đời. Nói cách khác ông đan cài thể giới đó vào đời sống, số phận của các nhân vật. Chính nhờ thế mà chất văn ở những tác phẩm về tập tục của Tô Hoài luôn đậm đặc, hình ảnh về tập tục hoặc tín ngưỡng của văn chương Tô Hoài thường sống động.

3. Độc giả cũng nhận ra rằng, Tô Hoài, cũng giống như trường hợp Nam Cao, thường nghiêng về cuộc sống của người bình dân. Vì vậy, sáng tác về tập tục, tín ngưỡng, Tô Hoài cũng chủ yếu quan tâm đến không gian tín ngưỡng làng quê, tập tục của những cộng đồng người dân nghèo, cụ thể là thị dân. Bộ phận cư dân này chiếm số lượng chủ yếu của xã hội, vì thế đời sống, nếp nghĩ của họ chính là phản ánh rộng về hoàn cảnh sống, cả vật chất và tinh thần, của xã hội. Vì vậy, tác phẩm về đô thị của Tô Hoài vừa như một áng văn

lại vừa có giá trị xã hội học độc đáo, vừa là những câu chuyện về từng cuộc đời cụ thể vừa như một bảo tàng nhân học lưu giữ những giá trị phi văn hóa phi vật thể mà theo thời gian càng trở nên có giá trị..

4. Không chỉ thế, khảo sát mảng tác phẩm này, còn có thể nhận ra từ những mảnh đời thiếu may mắn, thậm chí là bất hạnh, từ những kết cục bi kịch của các nhân vật chất triết luận xã hội của Tô Hoài. Bằng những thủ pháp nghệ thuật văn chương, Tô Hoài đã gián tiếp tạo ra một cái nhìn nhiều chiều về củ đề tập tục, lễ nghi, như tính chất hai mặt của chúng, đặc thù của nếp nghĩ cách sống của người bình dân, như bản chất thật sự của công cuộc khai thác thuộc địa của chính quyền thực dân... Chính ở phương diện này, chúng ta đã có thể nhận ra sự sắc sảo, tinh quái trong cách phát hiện vấn đề và cả cách thể hiện chúng bằng nghệ thuật ngôn từ mà sau này còn trở đi trở lại, nhất là trong các trang hồi ký, hoặc phục dựng chân dung các văn nghệ sĩ gây tranh cãi của Tô Hoài.

5. Là mối quan tâm gần như suốt cuộc đời, nhưng sự xuất hiện của loạt tác phẩm này vào những năm trước Cách mạng tháng Tám ở Tô Hoài đã được luận văn cố gắng cắt nghĩa bằng hoàn cảnh lịch sử riêng đó là trong hoàn cảnh: Nước mất nhưng tinh thần ái quốc không bao giờ mất đã tạo nên một phản ứng đặc biệt trong giai tầng trí thức Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX. Họ dùng văn chương để thể hiện tinh thần phản kháng, dùng sáng tác văn học để khẳng định những giá trị trường tồn. Mặt khác, ở một phân số nhỏ, đây cũng là cơ hội để họ thể hiện một cái nhìn tinh táo về căn tính dân tộc.

Mảng sáng tác này không chỉ xuất hiện ở giai đoạn trước 1945 mà là mối quan tâm liên tục trong cuộc đời viết văn của Tô Hoài . Tuy nhiên, trong một tình huống lịch sử đặc biệt , những sáng tác của Tô Hoài ở giai đoạn này đã chuyển tải được tinh thần ái quốc của thời thực dân hoá và là bằng chứng cho một phương thức thể hiện tình cảm dân tộc điển hình của giai tầng trí thức ở thời kỳ mất chủ quyền và chuyển giao văn hoá.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lại Nguyên Ân, Lời giới thiệu sưu tập Tạp chí “Tri tân”. Truy cập tại <http://lainguyenan.free.fr/TimLaiDiSan/LoiGioiThieu.html>.
2. Vũ Bằng (2014), *Thương nhớ mười hai*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
3. Phan Kế Bính (2006), *Việt Nam phong tục*, Nxb Văn học, Hà Nội.
4. Lê Tiến Dũng, *Tô Hoài hạt ngọc của văn học*. Truy cập tại <https://www.wattpad.com/243205070-new-nha%CC%80-v%C4%83n-t%C3%B4-hoa%CC%80i-ha%CC%A3t-ngo%CC%A3c-cu%CC%89a-v%C4%83n-ho%CC%A3c>.
5. Đoàn Lê Giang, *Tiểu thuyết viết về Lý Công Uẩn của Phạm Minh Kiên và cảm hứng dân tộc trong tiểu thuyết lịch sử Nam Kỳ trước 1945*. Truy cập tại <http://www.vanhoanghean.com.vn/chuyen-muc-goc-nhin-van-hoa/> nhưng-goc-nhin-van-hoa/tieu-thuyet-viet-ve-ly-cong-uan-cua-pham-minh-kien-va-cma-hung-dan-toc-trong-tieu-thuyet-lich-su-nam-ky-truoc-1945
6. Phan Cự Đệ, *Tài liệu Ngữ văn*. Truy cập tại <https://www.facebook.com/hoctapnguvan/posts/941294602568043>.
7. Hà Minh Đức (1996), *Tuyển tập Tô Hoài*, Tập 1, Nxb Văn học, Hà Nội.
8. Hà Minh Đức (1996), *Tuyển tập Tô Hoài*, Tập 2, Nxb Văn học, Hà Nội.
9. Hà Minh Đức (1996), *Tuyển tập Tô Hoài*, Tập 3, Nxb Văn học, Hà Nội.
10. Hà Minh Đức (2007), *Tô Hoài, Đời văn và tác phẩm: Trò chuyện, ghi chép và nghiên cứu về nhà văn Tô Hoài*, Nxb Văn học, Hà Nội.
11. Hà Minh Đức (2010), *Sức sáng tạo của một đời văn*, Nxb Giáo dục, Hà Nội



12. Nguyễn Đăng Điệp, *Tô Hoài người sinh ra để viết*. Truy cập tại : <http://vannghequandoi.com.vn/Phe-binh-van-nghe/To-Hoai-nguoi-sinh-ra-de-viet-4864.html>.
13. Graham Andrew, *Vài khía cạnh về người Việt Nam* . Truy cập tại <http://www.gio-o.com/NgoBac/NgoBacAndrewGraham.htm>
14. Tô Hoài (1959), *Một số kinh nghiệm viết văn của tôi*, Nxb Văn học, Hà Nội
15. Tô Hoài (1988), *Cổ đại*, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
16. Tô Hoài (1997), *Nghệ thuật và phương pháp viết văn*, Nxb Văn học, Hà Nội
17. Tô Hoài (2000), *Những tác phẩm tiêu biểu trước 1945*, Nxb Giáo dục Hà Nội
18. Tô Hoài (1997), *Nghệ thuật và phương pháp viết văn*, Nxb Văn học, Hà Nội
19. Tô Hoài (2005), *Hồi kí*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
20. Tô Hoài (2005), *Tác phẩm văn học được giải thưởng Hồ Chí Minh* , Quyển 1, Nxb Văn học, Hà Nội.
21. Tô Hoài (2005), *Tác phẩm văn học được giải thưởng Hồ Chí Minh* , Quyển 2, Nxb Văn học, Hà Nội.
22. Tô Hoài (2014), *Những ngõ phố*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
23. Tô Hoài (2015), *Chiều chiều*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
24. Tô Hoài (2015), *Chuyện cũ Hà Nội*, Tập 1, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
25. Tô Hoài (2015), *Chuyện cũ Hà Nội*, Tập 2, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
26. Phong Lê giới thiệu, Thanh Vân tuyển chọn (2001), *Tô Hoài về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
27. Vương Trí Nhàn, *Ba bài viết ngắn về Tô Hoài*, Truy cập tại <http://vuongtrinhlan.blogspot.com/2014/07/ba-bai-viet-ngan-ve-to-hoai.html>.
28. Vương Trí Nhàn, *Tô Hoài và những nghiêm chỉnh của kiếp phù du*. Truy cập tại <http://phebinhvanhoc.com.vn/to-hoai-va-nhung-nghiem-chinh-cua-kiem-phu-du>.

29. Nguyễn Văn Ngọc (2003), *Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc toàn tập* (3 tập), Nxb Văn học, Hà Nội.
30. Nguyễn Đăng Mạnh (1984), *Tổng tập văn học Việt Nam* (Tập 30A), Nxb Khoa học Xã hội và Nxb Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh hợp tác xuất bản.
31. Phạm Duy Nghĩa, *Miền núi của Tô Hoài*, Tạp chí Văn nghệ Quân đội. Truy cập tại <http://vannghequandoi.com.vn/Phe-binh-van-nghe/Mien-nui-cua-To-Hoai-4491.html>.
32. Nir Avieli, *Bánh chưng đón năm mới Việt Nam : các món ăn lễ tết biểu tượng và căn cước dân tộc bị tranh nghị* . Truy cập tại <http://www.gio-o.com/NgoBac/NgoBacNirAvieliBanhChung.htm>.
33. *Vũ Ngọc Phan tuyển tập* (2010), Nhà văn Hiện đại, Quyển 4 - Tập thượng, Nxb Văn học, Hà Nội.
34. Trần Đăng Suyền, Nguyễn Văn Long, Lê Quang Hưng, Trịnh Thu Tiết (2014), *Giáo trình văn học Việt Nam hiện đại Tập I từ đầu thế kỷ XX đến 1945*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
35. Trần Hữu Tá (2001), *Tô Hoài một đời văn phong phú và độc đáo*, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
36. Đặng Tiến, *Tổng quan về hồi kí của Tô Hoài*. Truy cập tại [http://www.art2all.net/tho/dangtien/dt\\_tohoai.htm](http://www.art2all.net/tho/dangtien/dt_tohoai.htm).
37. Đặng Tiến, *Đọc Chuyện cũ Hà Nội*. Truy cập tại [http://www.art2all.net/tho/dangtien/tohoai/doc\\_chuyencuhanoi.htm](http://www.art2all.net/tho/dangtien/tohoai/doc_chuyencuhanoi.htm)
38. Đặng Tiến, *Thương nhớ Tô Hoài* . Truy cập tại [http://www.art2all.net/tho/dangtien/tohoai/dt\\_thuongnhotohoai.htm](http://www.art2all.net/tho/dangtien/tohoai/dt_thuongnhotohoai.htm).
39. Nhất Thanh 2015, *Đất lề quê thói*, Nhã Nam và Nxb Hồng Đức, Hà Nội
40. Trần Ngọc Thêm, *Tìm hiểu văn hóa Việt Nam*. Truy cập tại: <https://www.wattpad.com/905281-co-so-van-hoa-viet-nam>.

41. Hoàng Duy Vũ, "Vùng cao trong văn Tô Hoài", *Tạp chí Sông Hương*. Truy cập tại <http://www.phongdiep.net/default.asp?action=article& ID = 19552>
42. Mai Viên Đoàn Triển (2008), *An Nam Phong tục sách* (Nguyễn Tô Lan dịch chú, giới thiệu), Nxb Hà Nội.